

BỘ CÔNG THƯƠNG
VỤ THỊ TRƯỜNG CHÂU ÂU - CHÂU MỸ



THÔNG TIN XUẤT KHẨU VÀO THỊ TRƯỜNG EU
MẶT HÀNG HẠT ĐIỀU

MẶT HÀNG HẠT ĐIỀU

(HS 080131 Hạt điều tươi hoặc khô, nguyên vỏ & HS 080132 Hạt điều tươi hoặc khô, đã tách vỏ)

I. THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG EU.....	2
❖ Quy mô thị trường	2
❖ Nhu cầu nhập khẩu	2
❖ Các nguồn cung ứng	5
❖ Tình hình nhập khẩu tại một số thị trường thành viên EU	7
❖ Thị hiếu, xu hướng tiêu dùng	13
❖ Kênh phân phối	18
II. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CUNG ỨNG CỦA VIỆT NAM	20
III. THỰC TRẠNG XUẤT KHẨU MẶT HÀNG CỦA VIỆT NAM SANG EU	25
❖ Tổng quan xuất khẩu mặt hàng của Việt Nam.....	25
❖ Tình hình xuất khẩu mặt hàng sang thị trường EU.....	26
IV. CÁC NỘI DUNG CAM KẾT LIÊN QUAN TRONG HIỆP ĐỊNH EVFTA	32
❖ Cam kết thuế quan.....	32
❖ Cam kết về quy tắc xuất xứ.....	33
❖ Cam kết về chứng nhận xuất xứ.....	34
❖ Các cam kết liên quan đến SPS	37
❖ Các cam kết về hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (TBT)	40
❖ Các cam kết về hải quan và thuận lợi hóa thương mại.....	42
V. THÔNG TIN CHÍNH SÁCH, QUY ĐỊNH LIÊN QUAN CỦA EU	44
❖ Thủ tục hải quan.....	44
❖ Tiêu chuẩn chất lượng	47
❖ Quy định vệ sinh và an toàn thực phẩm.....	49
❖ Truy xuất nguồn gốc, tuân thủ và trách nhiệm trong thực phẩm	50
❖ Kiểm soát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (MRL)	50
❖ Kiểm soát chất gây ô nhiễm trong thực phẩm	52
❖ Kiểm soát sức khỏe thực vật	53
❖ Quy định đóng gói	53
❖ Quy định ghi nhãn.....	54
❖ Quy định về sản phẩm hữu cơ	55
VI. THỰC TIỄN NĂM ĐẦU THỰC THI HIỆP ĐỊNH EVFTA TRONG XUẤT KHẨU MẶT HÀNG SANG EU	56
VII. DOANH NGHIỆP CẦN LÀM GÌ ĐỂ TẬN DỤNG EVFTA XUẤT KHẨU MẶT HÀNG SANG EU	60
VIII. CÁC ĐỊA CHỈ THÔNG TIN HỮU ÍCH	74

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

Vụ Thị trường châu Âu – châu Mỹ, Bộ Công Thương

Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Email: vuaumy.moit@gmail.com

Website: goglobal.moit.gov.vn

I. THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG EU

❖ Quy mô thị trường

Hạt điều là một trong những món ăn nhẹ phổ biến và ngày càng được thị trường ưa chuộng nhờ lợi ích đối với sức khỏe con người. Nhu cầu tiêu thụ tăng trong bối cảnh diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, hạt điều trở thành một trong số sản phẩm được tiêu thụ mạnh nhờ tác dụng đối với sức khỏe, sự tiện lợi và thời gian bảo quản lâu dài.

Theo số liệu thống kê từ Trung tâm Thương mại quốc tế (ITC), thế giới xuất khẩu hạt điều giai đoạn 2015 – 2020 tăng trưởng bình quân 2,0%/năm, từ 5,96 tỷ USD năm 2015 tăng lên 6,31 tỷ USD năm 2020. Về nhập khẩu, giai đoạn 2015 – 2020, thế giới nhập khẩu hạt điều tăng trưởng bình quân 3,54%/năm, từ 5,94 tỷ USD năm 2015 tăng lên 7,22 tỷ USD năm 2020. **Liên minh châu Âu (EU) là thị trường nhập khẩu hạt điều hàng đầu thế giới, chiếm thị phần 18,73% trong tổng giá trị nhập khẩu toàn cầu.**



❖ Nhu cầu nhập khẩu

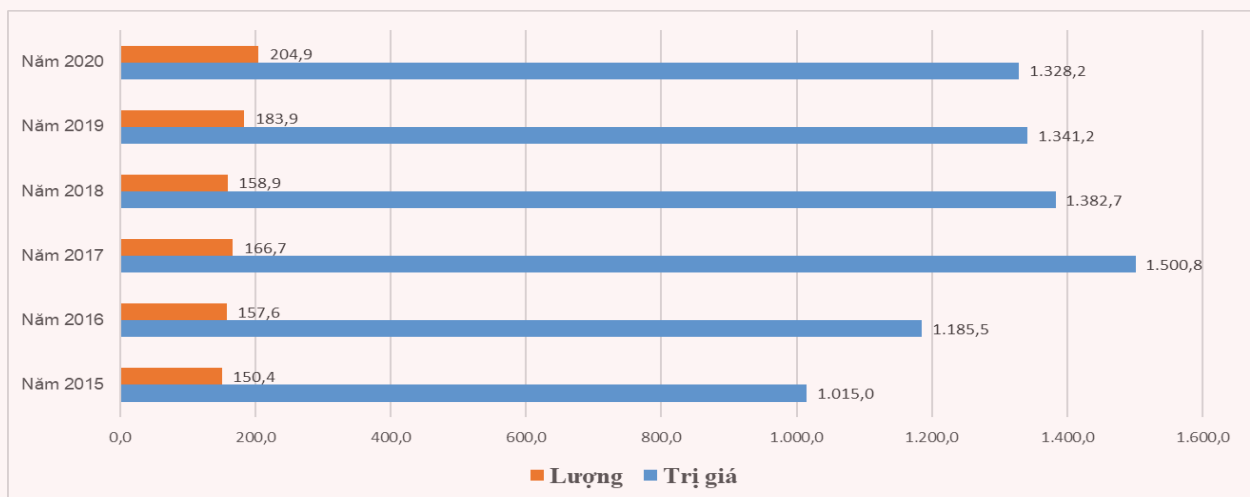
Hạt điều được nhập khẩu vào EU quanh năm. Tuy nhiên, theo yếu tố mùa vụ, EU thường nhập khẩu hạt điều thấp nhất trong quý I, sau đó tăng dần về cuối

năm. Từ tháng 9 đến tháng 11, EU tăng mạnh nhập khẩu hạt điều nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ tăng cao trong kỳ nghỉ đông. Do đó, các nhà cung cấp hạt điều mới nổi sẽ có thể có đủ lượng hàng dự trữ cho các đợt giao hàng lớn hơn trong mùa cao điểm.

Theo số liệu từ Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), nhập khẩu hạt điều của EU hàng năm rất lớn với tốc độ tăng trưởng khá ổn định. Giai đoạn 2015 – 2020, EU nhập khẩu hạt điều tăng bình quân 6,6%/năm (tính theo lượng) và tăng 6,32%/năm (tính theo trị giá), từ 150,4 nghìn tấn, trị giá 1,015 tỷ EUR năm 2015 tăng lên 204,9 nghìn tấn, trị giá 1,328 tỷ EUR năm 2020.

Biểu đồ 1: Lượng và trị giá nhập khẩu hạt điều của EU giai đoạn 2015 – 2020

Đơn vị tính (ĐVT): Lượng: nghìn tấn; Trị giá: Triệu EUR

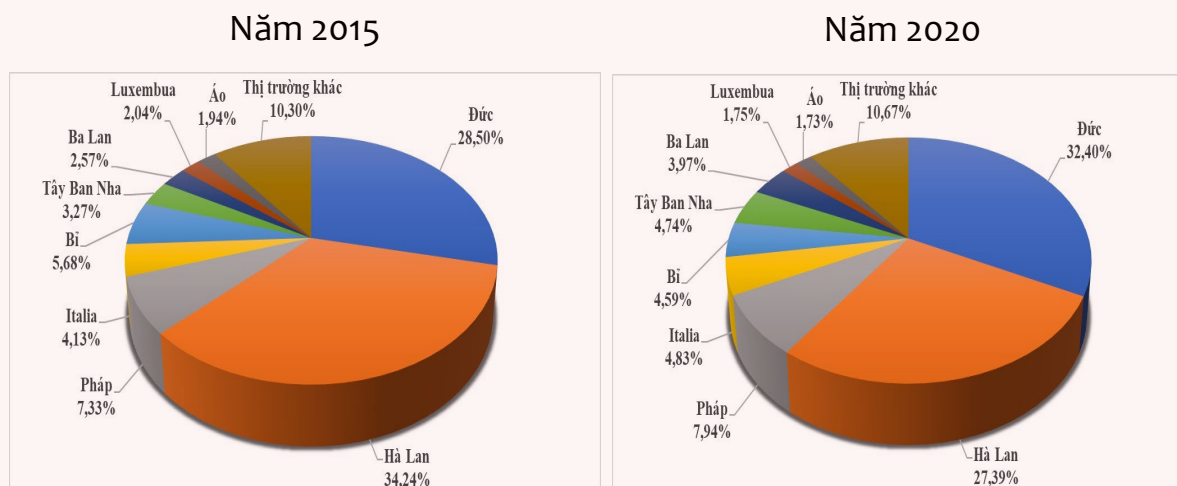


Nguồn: Eurostat

Nhập khẩu hạt điều của các nước thành viên EU ngày càng gia tăng, trong đó Đức, Hà Lan, Pháp, Italia, Bỉ và Tây Ban Nha là các thị trường nhập khẩu hạt điều có quy mô lớn nhất. Giai đoạn 2015 – 2020, tốc độ nhập khẩu hạt điều của hầu hết các thành viên EU đều ghi nhận mức tăng trưởng rất cao, ngoại trừ Luxembua và Estonia.

Biểu đồ 2: Tỷ trọng của các thị trường thành viên trong nhập khẩu hạt điều vào EU năm 2015 và năm 2020

(% tỷ trọng tính theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Eurostat

Bảng 1: Nhập khẩu hạt điều của từng nước thành viên EU 2015 – 2020

ĐVT: Lượng; nghìn tấn; Trị giá: triệu EUR

Thị trường	Năm 2020		Tăng/giảm bình quân 2015-2020 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng	204,9	1.328,2	6,60	6,32
Đức	64,8	430,3	9,14	9,59
Hà Lan	58,7	363,8	3,57	1,94
Pháp	14,6	105,4	6,62	7,99
Italia	13,1	64,2	14,01	9,16
Bỉ	10,4	61,0	3,52	4,28
Tây Ban Nha	8,8	62,9	15,91	16,75
Ba Lan	7,9	52,7	16,33	15,98
Luxembua	3,1	23,2	-1,10	2,84
Áo	2,9	23,0	4,36	3,42
Thụy Điển	2,8	19,5	3,30	3,65
Hy Lạp	2,5	16,4	5,16	5,36
Litva	2,4	14,3	11,15	7,05
CH Séc	2,2	16,6	8,51	8,48
Đan Mạch	1,6	10,1	10,86	10,38
Bồ Đào Nha	1,6	10,8	18,99	19,38
Phần Lan	1,5	12,3	2,91	2,71
Bungari	1,3	7,4	4,48	20,72
Slovakia	1,0	6,7	7,69	4,45

Thị trường	Năm 2020		Tăng/giảm bình quân 2015-2020 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Hunggary	0,7	5,1	6,06	6,18
Slovenia	0,6	4,1	16,45	16,17
Ai Len	0,6	5,3	14,08	17,17
Rumani	0,5	3,9	7,74	9,09
Estonia	0,5	2,7	-1,17	-2,75
Latvia	0,4	2,3	7,70	4,19
Croatia	0,3	2,3	26,61	24,70
Síp	0,3	1,8	10,62	10,07
Manta	0,1	0,4	3,65	3,26

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Eurostat

❖ Các nguồn cung ứng

Theo tính toán từ số liệu của Eurostat, giai đoạn 2015 – 2020, tốc độ nhập khẩu hạt điều của EU từ thị trường nội khối tăng trưởng bình quân 2,03%/năm (tính theo lượng) và tăng 4,74%/năm (tính theo trị giá), từ 49,21 nghìn tấn, trị giá 325 triệu EUR năm 2015 tăng lên 54,05 nghìn tấn, trị giá 392,38 triệu EUR năm 2020. Trong đó, Hà Lan, Đức, Bỉ là 3 nhà cung ứng điều lớn nhất cho thị trường khu vực.



Nhập khẩu hạt điều của EU giai đoạn 2015 – 2020 từ thị trường ngoại khối ghi nhận mức tăng trưởng cao, bình quân 8,66%/năm (tính theo lượng) và tăng 7,10%/năm (tính theo trị giá), từ 101,23 nghìn tấn, trị giá 689,93 triệu EUR năm 2015 tăng lên 150,84 nghìn tấn, trị giá 936,13 triệu EUR năm 2020. Việt Nam và Ấn Độ là hai nước cung ứng điều lớn nhất tại thị trường EU, lần lượt chiếm thị phần 54,06% và 8,05% năm 2020. Trong khi tốc độ nhập khẩu điều từ Việt Nam ghi nhận tốc độ tăng trưởng đáng kể trong giai đoạn 2015-2020 thì EU lại có xu hướng giảm nhập khẩu điều từ Ấn Độ. Đáng chú ý, nhập khẩu hạt điều của EU từ một số thị trường ngoại khối khác cũng ghi nhận mức tăng trưởng rất cao trong giai đoạn 2015 – 2020, như: Braxin, Bờ Biển Ngà, Burkina Faso, Gana, Mozambique, Benin, Togo...

Bảng 2: Các nguồn cung hạt điều tại thị trường EU giai đoạn 2015 – 2020

ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn EUR

Thị trường	Năm 2020		Tăng/giảm bình quân 2015-2020 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
EU nội khối	54.047	392.376	2,03	4,74
Hà Lan	32.273	218.125	0,75	3,00
Đức	14.200	118.375	11,15	13,86
Bỉ	3.195	20.262	0,27	-2,54
Italia	717	7.299	14,40	15,49
Lítva	588	4.549	11,67	12,55
Áo	551	5.654	6,62	6,48
Ba Lan	432	2.705	-11,19	-6,83
Tây Ban Nha	429	3.142	14,21	17,29
Pháp	265	1.368	-4,63	0,45
Hy Lạp	261	1.596	20,11	17,60
Slovakia	252	2.445	6,91	10,02
Estonia	187	1.321	-8,42	-8,71
Thụy Điển	157	1.253	39,53	32,45
Luxembua	101	853	-14,07	-13,27
Đan Mạch	100	755	-8,28	-6,90
CH Séc	82	668	-16,96	-16,68
Rumani	63	386	150,49	116,81
Slovenia	63	615	1.863,67	2.218,03
Latvia	59	336	11,26	5,68
Hungary	37	305	35,51	17,82
Bungari	13	140	2,09	16,86
Bồ Đào Nha	11	107	950,10	728,87
Manta	5	32		
Phần Lan	4	35	36,10	51,46
Croatia	3	29	12,71	39,16
Ai Len	0	3		
EU ngoại khối	150.841	936.134	8,66	7,10
Việt Nam	110.767	684.605	12,08	10,72
Ấn Độ	16.487	121.683	-2,81	0,48
Braxin	6.300	31.196	20,28	9,54
Anh	4.766	30.018	8,70	7,74
Bờ Biển Ngà	3.425	17.790	24,69	14,57
Gana	1.263	5.646	76,80	78,31
Môdambic	1.261	7.918	27,46	29,34

Thị trường	Năm 2020		Tăng/giảm bình quân 2015-2020 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Benin	1.113	6.103	46,32	34,64
Indonesia	936	5.679	-8,42	-13,19
Tôgô	633	3.207	28,24	21,30
Nigêria	544	3.119	58,50	67,21
Guinea-Bissau	442	2.097	610,61	362,19
Tanzania	179	1.115	12,76	15,77
Trung Quốc	159	969		
Kenya	119	614	1.150,17	1.239,29
Thổ Nhĩ Kỳ	88	300	588,46	336,44
Madagatxca	52	328	13,62	13,61
Singapore	51	389	161,82	203,20
Mỹ	37	182	-35,07	-33,53
Xênegan	23	240		28.016,47
Ghinê	17	81	58,65	62,99
Nam Phi	16	98		20.126,06
Hondura	13	117	5,82	13,91
Thụy Sĩ	3	31		239,74
Bolivia	3	14		
Li Băng	2	11	1.550,10	858,87
Síp	2	15	766,01	2.038,25
Iran	1	7	52,17	39,35
Thái Lan	0	5	-40,50	-46,88

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Eurostat

❖ Tình hình nhập khẩu tại một số thị trường thành viên EU

Đức và Hà Lan là những đầu mối thương mại quan trọng đối với hạt điều nhập khẩu để tái xuất. Các quốc gia EU khác là những nước nhập khẩu ròng lớn và tiêu thụ phần lớn lượng hạt điều nhập khẩu là Pháp, Italia, Tây Ban Nha và Ba Lan.

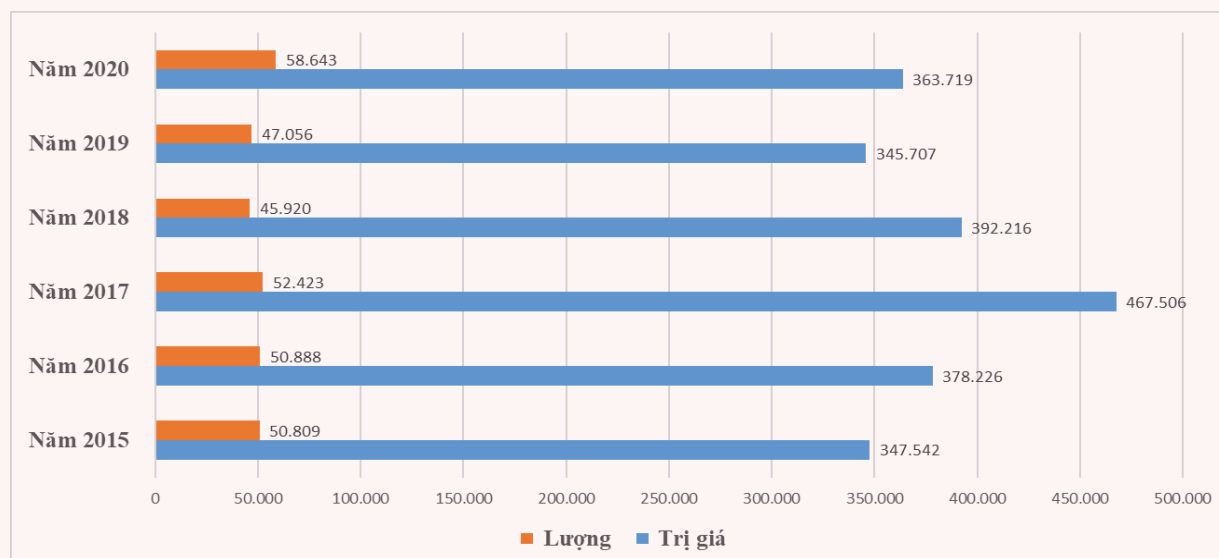
Thị trường Hà Lan

Hà Lan là một trong những quốc gia nhập khẩu hạt điều quan trọng của EU, chiếm 29,8% tổng trị giá nhập khẩu của EU trong giai đoạn 2015 – 2020. Theo tính toán từ số liệu của Eurostat, giai đoạn 2015 – 2020, tốc độ nhập khẩu hạt điều của Hà Lan tăng trưởng bình quân 3,57%/năm (tính theo lượng) và tăng 1,94%/năm

(tính theo trị giá), từ 50,8 nghìn tấn, trị giá 347,5 triệu EUR năm 2015 tăng lên 58,7 nghìn tấn, trị giá 363,8 triệu EUR năm 2020.

Biểu đồ 3: Lượng và trị giá nhập khẩu hạt điều của Hà Lan 2015 – 2020

ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn EUR



Nguồn: Eurostat

Hà Lan nhập khẩu hạt điều từ thị trường nội khối EU trong giai đoạn 2015 - 2020 tăng trưởng bình quân 11,47%/năm (tính theo lượng) và tăng 13,81%/năm (tính theo trị giá), từ 706 tấn, trị giá 5,67 tỷ EUR năm 2015 tăng lên trên 1 nghìn tấn, trị giá 9,6 tỷ EUR năm 2020.

Giai đoạn 2015 – 2020, Hà Lan nhập khẩu hạt điều từ thị trường ngoại khối tăng trưởng bình quân 3,51%/năm (tính theo lượng) và tăng 1,73%/năm tính theo trị giá, từ 50,1 nghìn tấn, trị giá 341,87 triệu EUR năm 2015 tăng lên 57,55 nghìn tấn, trị giá 354,12 triệu EUR năm 2020.

Bảng 3: Nhập khẩu hạt điều của Hà Lan giai đoạn 2015 – 2020

ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: Triệu EUR

Thị trường	Năm 2020		Tăng/giảm bình quân 2015-2020 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng	58.643	363.719	3,57	1,94
EU nội khối	1.094	9.600	11,47	13,81
Đức	824	7.384	6,58	8,79
Bỉ	151	1.226	684,64	615,76
Italia	32	370		
Pháp	30	179		
Rumani	29	183		2.732,10

Thị trường	Năm 2020		Tăng/giảm bình quân 2015-2020 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Thụy Điển	8	79		4.343,23
Tây Ban Nha	7	58	464,77	585,98
Ba Lan	2	16	19,83	41,03
Latvia	2	14		
Áo	2	15		
Đan Mạch	2	20	26,19	26,94
Lítva	2	13		2.305,84
Bồ Đào Nha	1	13		
Phần Lan	1	6	172,00	166,93
Hy Lạp	1	6		
Luxembua	1	5		
Slovakia	0	4		
CH Séc	0	2	12,21	43,03
Slovenia	0	3		
Bungari	0	1		
Âi Len	0	1		
Estonia	0	1		
Manta	0	1		
Croatia	0	1		317,07
EU ngoại khối	57.549	354.119	3,51	1,73
Việt Nam	46.241	279.864	7,46	5,15
Ấn Độ	4.722	32.672	-1,67	3,00
Anh	1.902	11.710	26,36	25,60
Braxin	1.526	9.493	1,97	-4,89
Bờ Biển Ngà	735	4.919	7,44	3,85
Gana	578	3.384	54,49	64,10
Burkina Faso	522	3.552	40,82	47,11
Môdambic	391	3.075	21,66	31,84
Benin	333	1.950	9,65	4,24
Nigêria	222	1.248	283,80	250,80
Indonesia	118	753	16,70	11,07
Trung Quốc	112	672		
Guinea-Bissau	59	351		
Kenya	30	107		
Tanzania	22	159	1.953,33	907,51
CH Moldova	16	84		
Nam Phi	16	97		
Bolivia	3	14		
Li Băng	2	7		

Thị trường	Năm 2020		Tăng/giảm bình quân 2015-2020 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Thụy Sĩ	0	2		
Thổ Nhĩ Kỳ	0	0		
Xri Lanca	0	2		
Tôgô	0	1		
Singapore	0	1		
Mỹ	-	0		-32,90

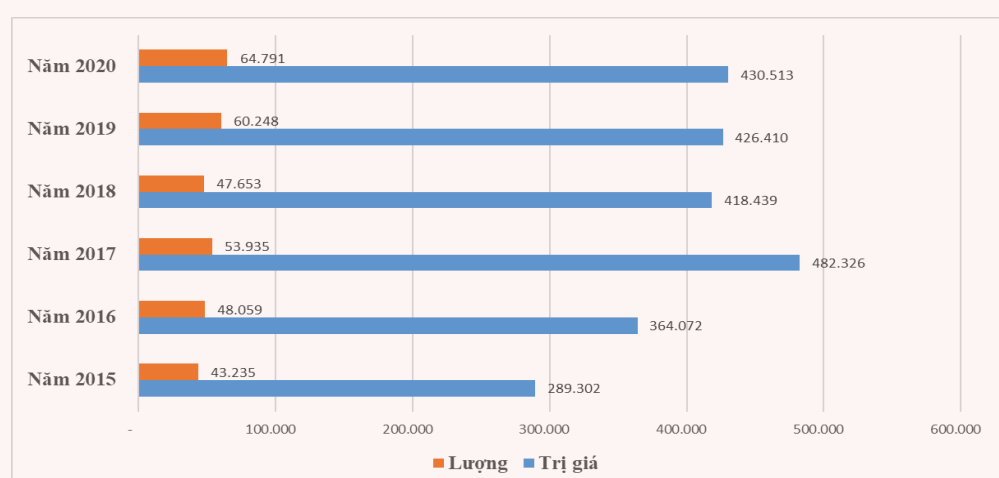
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Eurostat

Thị trường Đức

Theo Eurostat, nhập khẩu hạt điều của Đức giai đoạn 2015 – 2020 tăng trưởng bình quân 9,14%/năm (tính theo lượng) và tăng 9,59%/năm (tính theo trị giá), từ 43,2 nghìn tấn, trị giá 289,3 triệu EUR năm 2015 tăng lên 64,8 nghìn tấn, trị giá 430,3 triệu EUR năm 2020.

Biểu đồ 4: Lượng và trị giá nhập khẩu hạt điều của Đức giai đoạn 2015 – 2020

ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: triệu EUR



Nguồn: Eurostat

Theo Eurostat, giai đoạn 2015 – 2020, Đức nhập khẩu hạt điều từ thị trường nội khối EU giảm bình quân 3,48%/năm (tính theo lượng) và giảm 1,98%/năm (tính theo trị giá), từ 23,45 nghìn tấn, trị giá 149,89 tỷ EUR năm 2015, giảm xuống 19 nghìn tấn, trị giá 128,32 tỷ EUR năm 2020.

Trong khi đó, giai đoạn 2015 – 2020, Đức nhập khẩu hạt điều từ thị trường ngoại khối tăng trưởng bình quân 20,06%/năm (tính theo lượng) và tăng 19,11%/năm tính theo trị giá, từ 19,78 nghìn tấn, trị giá 139,41 triệu EUR năm 2015 tăng lên 45,78 nghìn tấn, trị giá 302,2 triệu EUR năm 2020.

Bảng 4: Nhập khẩu hạt điều của Đức giai đoạn 2015 – 2020

ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn EUR

Thị trường	Năm 2020		Tăng/giảm bình quân 2015-2020 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng	64.791	430.513	9,14	9,59
EU nội khối	19.009	128.319	-3,48	-1,98
Hà Lan	15.471	104.165	-2,07	-0,29
Bỉ	2.641	16.531	-0,58	-3,92
Áo	508	5.134	5,92	5,20
Ba Lan	312	1.697	-12,62	-9,32
Italia	43	417	42,28	82,48
Luxembua	14	118	-8,77	-5,60
Bungari	9	114		
Slovenia	4	65		
Tây Ban Nha	3	22	20,02	21,72
Đan Mạch	2	23	-10,37	106,10
Slovakia	2	23	382,42	422,39
Pháp	1	7	98,04	125,78
Thụy Điển	0	4		
EU ngoại khối	45.781	302.194	20,06	19,11
Việt Nam	34.093	223.882	22,02	21,18
Ấn Độ	6.986	51.146	41,02	43,50
Braxin	1.799	9.088	90,34	72,21
Anh	1.009	6.303	-1,84	-1,10
Indonesia	558	3.346	27,54	20,96
Burkina Faso	388	2.657	33,42	36,98
Bờ Biển Ngà	286	2.061	7,59	6,27
Nigeria	193	1.153	301,46	176,53
Môdambic	191	972		
Benin	43	309		
Gana	37	84		
Thổ Nhĩ Kỳ	30	108		
Mỹ	16	74		
Trung Quốc	16	40		
Hondura	13	117	5,82	13,89
Thái Lan	0	4	-38,80	-44,22

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Eurostat

Thị trường Ba Lan

Ba Lan là nhà nhập khẩu hạt điều lớn thứ 7 của EU, tốc độ nhập khẩu tăng trưởng ổn định và ở mức cao, điều này cho thấy người tiêu dùng Ba Lan ngày càng ưa chuộng mặt hàng có lợi cho sức khỏe và tiện dụng.

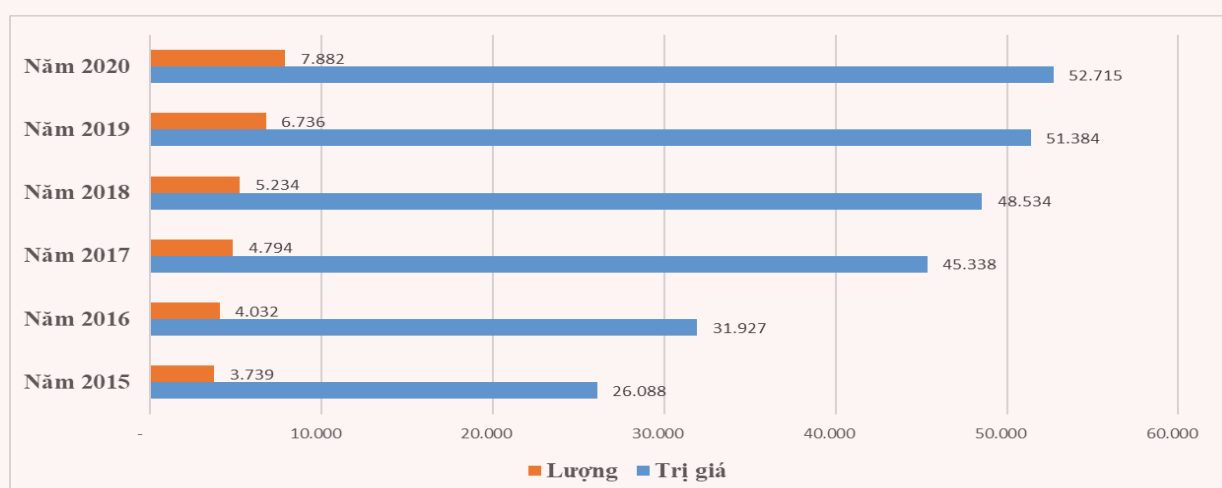
Theo số liệu thống kê từ Eurostat, Ba Lan nhập khẩu hạt điều giai đoạn 2015 – 2020 tăng trưởng bình quân 16,33%/năm (tính theo lượng) và 15,98%/năm (tính theo trị giá), từ 3,74 nghìn tấn, trị giá 26,1 triệu EUR năm 2015, tăng lên 7,9 nghìn tấn, trị giá 52,71 triệu EUR năm 2020.

Ba Lan nhập khẩu hạt điều từ thị trường nội khối tăng trưởng bình quân 15,8%/năm (tính theo lượng) và tăng 18,24%/năm (tính theo trị giá), từ 2,39 nghìn tấn, trị giá 16,66 triệu EUR năm 2015 tăng lên 4,87 nghìn tấn, trị giá 35 triệu EUR năm 2020. Trong đó, Ba Lan nhập khẩu hạt điều chủ yếu từ hai thị trường cửa ngõ là Hà Lan và Đức.

Nhập khẩu hạt điều của Ba Lan từ thị trường ngoại khối giai đoạn 2015 – 2020 tăng trưởng bình quân 21,65%/năm (tính theo lượng) và tăng 14,95%/năm (tính theo trị giá), từ 1,35 nghìn tấn, trị giá 9,42 triệu EUR năm 2015 tăng lên trên 3 nghìn tấn, trị giá 17,63 triệu EUR năm 2020.

Biểu đồ 5: Lượng và trị giá nhập khẩu hạt điều của Ba Lan 2015 – 2020

ĐTV: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn EUR



Nguồn: Eurostat

Bảng 5: Nhập khẩu hạt điều của Ba Lan giai đoạn 2015 – 2020

ĐTV: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn EUR

Thị trường	Năm 2020		Tăng/giảm bình quân (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng	7.882	52.715	16,33	15,98
EU nội khối	4.868	35.085	15,80	18,24
Hà Lan	3.238	21.472	15,29	18,35
Đức	1.552	13.038	20,39	22,01
Slovakia	39	296	4.382,63	3.929,27
Rumani	25	149	-28,49	-33,19
Pháp	9	78	136,93	132,99
Italia	5	49	133,71	1.500,99
Litva	0	2	-40,00	-40,00
EU ngoại khối	3.014	17.630	21,65	14,95
Việt Nam	2.461	14.480	33,74	24,52
Anh	283	1.656	34,91	28,37
Bờ Biển Ngà	64	316	0,19	-25,63
Ấn Độ	48	271	-11,28	-8,61
Braxin	47	284	38,49	13,82
Môdambic	32	186	-6,67	-8,80
Nigêria	32	153	-40,00	-39,99
Benin	32	175	20,00	14,59
Burkina Faso	17	107	0,00	0,00

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Eurostat

❖ **Thị hiếu, xu hướng tiêu dùng**

Thị trường hạt điều EU được kỳ vọng sẽ tăng trưởng ổn định bởi những thay đổi trong cách tiêu dùng của người châu Âu, bao gồm nhu cầu ngày càng tăng về các lựa chọn ăn nhẹ lành mạnh, các nguồn protein thực vật có lợi cho sức khỏe. Động lực khác thúc đẩy việc tiêu thụ hạt điều gia tăng là hương vị của chúng. Nhiều người tiêu dùng châu Âu nhận thấy hương vị của hạt điều rang muối hấp dẫn hơn so với các loại hạt truyền thống của châu Âu như hạt phỉ hay óc chó. Xu hướng tiêu thụ điều hữu cơ, tự nhiên tại EU cũng ngày càng phát triển.

Phân khúc tiêu thụ hạt điều của người dân EU gồm:

➤ **Phân khúc đồ ăn nhẹ**

Tại EU, tiêu thụ hạt điều lớn nhất là phân khúc đồ ăn nhẹ. Khoảng 90% hạt điều nhân nhập khẩu ở châu Âu được bán như đồ ăn nhẹ, chủ yếu là đồ ăn nhẹ rang muối. Trong phân khúc đồ ăn nhẹ, có hai xu hướng khác nhau đang ảnh hưởng đến tiêu dùng. Một là phát triển các hương vị rang khác nhau để đa dạng

hóa sản phẩm và phù hợp với sở thích khẩu vị khác nhau. Một xu hướng khác là ngày càng có nhiều loại hạt điều chưa ướp muối và chưa rang như một sự thay thế lành mạnh hơn cho đồ ăn nhẹ ướp muối.



Tiêu thụ đồ ăn nhẹ ở châu Âu tăng lên nhanh chóng trong những năm gần đây. Giá trị bán lẻ của thị trường đồ ăn nhẹ ở châu Âu đạt khoảng 17 tỷ EUR, chiếm gần 1,5% tổng thị trường thực phẩm và đồ uống của châu Âu. Món ăn nhẹ mặn được tiêu thụ nhiều nhất ở châu Âu vẫn là khoai tây chiên, nhưng các loại hạt (bao gồm cả hạt điều) ngày càng được tiêu thụ nhiều hơn và được coi là một lựa chọn lành mạnh hơn.

➤ Phân khúc thành phần

Phân khúc chế biến thực phẩm chiếm khoảng 10% thị trường hạt điều châu Âu. Những đối tượng sử dụng nguyên liệu hạt điều phổ biến nhất bao gồm:

- Ngành công nghiệp bánh kẹo chủ yếu sử dụng các mảnh và vụn của hạt điều để sản xuất đồ ăn nhẹ sô cô la. Ngoài ra, hạt điều nguyên hạt phủ sô cô la ngày càng được cung cấp như một sản phẩm mới sau khi bán thành công hạnh nhân phủ socola ở một số thị trường châu Âu.
- Ngành công nghiệp sản xuất bánh mì sử dụng hạt điều thô và hạt điều nguyên hạt để phết lên bánh quy và bánh ngọt.
- Hạt điều là một sản phẩm mới trong một số thị trường châu Âu và được quảng cáo là một thay thế lành mạnh cho bơ đậu phộng. Ngoài ra, bơ hạt điều được trộn với các thành phần khác để mang đến nhiều hương vị cho người tiêu dùng.
- Ngành công nghiệp ngũ cốc ăn sáng đang phát triển các sản phẩm granola hạt, trong đó thường xuyên sử dụng hạt điều.
- Các thanh protein và hạt trái cây ngày càng được cung cấp nhiều hơn như một sự thay thế cho đồ ăn nhẹ có đường và sô cô la. Hạt điều thường được sử dụng như một thành phần trong các sản phẩm đó như một nguồn protein thực vật.
- Các phân khúc khác mà hạt điều được sử dụng bao gồm: bữa ăn sẵn và nước sốt, chẳng hạn như pesto, nơi nó được sử dụng như một sự thay thế cho các loại hạt thông đắt tiền hơn.

Đặc trưng tiêu thụ tại một số thị trường lớn

Thị trường Hà Lan

Hà Lan đóng một vai trò quan trọng như một trung tâm thương mại ở châu Âu, vì khoảng 70% tổng lượng hạt điều nhập khẩu được tái xuất sang các nước châu Âu khác. Đức là điểm đến hàng đầu của Hà Lan tái xuất hạt điều, nhập khẩu từ 14–17 nghìn tấn mỗi năm, tiếp theo là thị trường Pháp.

Việc tiêu thụ hạt điều ngày càng tăng ở Hà Lan được thúc đẩy bởi xu hướng ăn nhẹ lành mạnh và việc sử dụng các loại hạt để thay thế cho protein động vật. Theo Hội đồng Quả khô và Quả khô quốc tế (INC), Hà Lan là nước tiêu thụ hạt điều bình quân đầu người cao thứ 4 ở châu Âu, sau Đức, Anh và Pháp. Mức tiêu

thụ bình quân đầu người ở Hà Lan ước tính dao động trong khoảng 0,7 - 1,7 kg/năm.

Bên cạnh đó, hạt điều ngày càng được sử dụng nhiều như một thành phần thực phẩm, đặc biệt là trong các món ăn như bơ hạt điều. Bơ hạt điều ở Hà Lan được sản xuất 100% từ hạt điều hoặc trộn với các loại hạt khác như đậu phộng và hạnh nhân. Người tiêu dùng Hà Lan đã quen với phết hạt vì Hà Lan là nước tiêu thụ bơ đậu phộng lớn nhất châu Âu. Bơ hạt điều cung cấp một sự thay thế tuyệt vời (được coi là tốt cho sức khỏe hơn) để thay thế bơ đậu phộng.

Người tiêu dùng và các nhà kinh doanh hạt điều của Hà Lan ngày càng đòi hỏi nguồn cung ứng hạt điều bền vững và sạch. Nguồn cung ứng hạt điều bền vững ở Hà Lan được hỗ trợ mạnh mẽ bởi một số sáng kiến như Sustainable Nut Initiative, Woord en Daad hoặc Fair Match Support. Do đó, việc thực hiện các chương trình sản xuất bền vững sẽ có lợi cho các nhà cung cấp ở các nước đang phát triển muốn thâm nhập thị trường hạt điều Hà Lan.



Thị trường Đức

Đức là một trong những quốc gia nhập khẩu hạt điều quan trọng của EU, chiếm 30,97% tổng trị giá nhập khẩu của EU trong giai đoạn 2015 – 2020. Đức nhập khẩu hạt điều nhằm phục vụ nhu cầu tiêu thụ nội địa và tái xuất sang các thị trường trong khu vực.

Đức là một trong những thị trường tiêu thụ lớn nhất, với mức tiêu thụ bình quân đầu người cao nhất thế giới, ước tính 1,87 kg/năm vào năm 2018. Đức cũng là quốc gia trung chuyển lớn về hạt điều nhập khẩu. Khoảng 30% tổng lượng hạt điều nhập khẩu được tái xuất khẩu từ Đức hàng năm sang các thị trường châu Âu khác. Hoạt động tái xuất được thực hiện bởi các thương nhân và đại lý chuyên trách, nhiều người trong số họ đặt tại Hamburg (cảng chính của Đức). Các thị trường mục tiêu chính cho xuất khẩu và tái xuất khẩu của Đức là Vương quốc Anh và Luxembourg (cả hai đều chiếm 17% thị phần xuất khẩu), tiếp theo là Pháp (10%).

Đức đang tái xuất một lượng đáng kể hạt điều sang Luxembua, một trong những quốc gia châu Âu nhỏ nhất với mức tiêu thụ rất hạn chế. Do công suất chế biến (rang và tách vỏ) hạt điều được lắp đặt tại Luxembua, rất nhiều hạt điều được chế biến và đóng gói cho thị trường bán lẻ của Đức ở Luxembua, sau đó được chuyển trở lại Đức.

Việc tiêu thụ hạt điều của người Đức đã được thúc đẩy bởi xu hướng ăn nhẹ lành mạnh. Gần đây, hạt điều cũng ngày càng được sử dụng nhiều hơn như một thành phần trong các món ăn và đồ ăn nhẹ (đặc biệt là loại hữu cơ).

Các nhà cung cấp hạt điều của các nước đang phát triển mới nổi muốn xuất khẩu sang Đức phải đáp ứng các tiêu chuẩn cao mà các nhà nhập khẩu Đức yêu cầu. Các tiêu chuẩn đó bao gồm chứng nhận an toàn thực phẩm, chẳng hạn như IFS, cam kết cung cấp bền vững và đáng tin cậy.

Thị trường Italia

Italia là nước nhập khẩu hạt điều lớn thứ 4 và là nước tiêu thụ hạt điều lớn thứ 5 của EU. Italia có đặc điểm là nhập khẩu ổn định hơn so với các nước nhập khẩu hàng đầu khác. Việt Nam là nguồn cung hạt điều ngoại khối lớn nhất cho Italia, trong khi Ấn Độ đang mất thị phần trên thị trường hạt điều Italia.

Các nhà cung cấp thị trường mới nổi với thị phần ngày càng tăng ở Italia là Mozambique, Benin, Togo và Burkina Faso. Tuy nhiên, các nước châu Phi chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong nguồn cung của Italia.

Một xu hướng đặc biệt đối với thị trường Italia là việc sử dụng ngày càng nhiều hạt điều trong nước sốt pesto. Công thức truyền thống của pesto bao gồm hạt thông, nhưng do giá cao và nguồn cung không ổn định, các nhà sản xuất Italia thường thay thế hạt thông bằng hạt điều hoặc hạnh nhân. Trong vài năm gần đây, giá điều nhân nhập khẩu vào Italia thấp hơn giá điều của các thị trường lớn khác ở châu Âu.

❖ Kênh phân phối

Các nhà nhập khẩu hạt điều chuyên biệt đại diện cho kênh quan trọng nhất đối với hạt điều ở châu Âu. Ngoài ra còn có một số kênh thay thế, chẳng hạn như đại lý, nhà chế biến thực phẩm hoặc các công ty dịch vụ thực phẩm.

Các công ty đóng vai trò quan trọng trong phân khúc hạt điều bao gồm các công ty rang xay và đóng gói. Một số công ty rang xay chuyên bán hạt điều rang muối và tẩm gia vị cho các nhà đóng gói với số lượng lớn. Một số công ty rang xay quan trọng ở Châu Âu bao gồm Ireco (Luxembua), Intersnack (Đức/Quốc tế), Max Kiene (Đức) và Trigon (Anh). Nhiều công ty đóng gói có các cơ sở rang trong nhà máy của họ, cho phép họ phát triển các sản phẩm khác nhau mà họ có thể bán trực tiếp cho các phân khúc khách hàng.

(i) Nhà nhập khẩu/nhà bán buôn

Trong hầu hết các trường hợp, nhà nhập khẩu đóng vai trò là người bán buôn. Họ thường bán hạt điều cho các công ty rang chế biến hạt điều và đóng gói để bán cho người tiêu dùng. Một số nhà nhập khẩu cũng có thiết bị chế biến và đóng gói riêng, vì vậy họ cũng có thể cung cấp trực tiếp các kênh bán lẻ và dịch vụ thực phẩm.

Các nhà nhập khẩu thường khá am hiểu thị trường châu Âu và họ theo dõi chặt chẽ diễn biến của các nước sản xuất hạt điều. Do đó, họ là người liên hệ ưu tiên, vì họ có thể thông báo kịp thời về diễn biến thị trường và đưa ra lời khuyên thiết thực về xuất khẩu. Các nhà nhập khẩu hạt điều thường nhập khẩu các loại hạt ăn được và trái cây sấy khô khác, vì vậy việc cung cấp các sản phẩm khác ngoài hạt điều có thể làm tăng khả năng cạnh tranh của các nhà sản xuất.

Đối với các nhà cung cấp mới, thách thức là thiết lập mối quan hệ lâu dài với các nhà nhập khẩu nổi tiếng, vì họ thường đã làm việc với các nhà cung cấp được chọn. Các nhà nhập khẩu đã thành lập thực hiện kiểm tra và thăm các nước sản xuất một cách thường xuyên. Nhiều người mới tiếp xúc nhận thấy rằng họ phải cung cấp chất lượng tương đương với giá thấp hơn đối thủ cạnh tranh khi bắt đầu mối quan hệ.

Vị trí của nhà nhập khẩu và nhà sản xuất thực phẩm đang bị các nhà bán lẻ tạo áp lực. Các nhu cầu cao hơn do ngành bán lẻ đặt ra quyết định động lực của chuỗi cung ứng từ trên xuống trong chuỗi. Áp lực chuyển thành giá thấp hơn nhưng cũng tạo ra giá trị gia tăng dưới dạng các sản phẩm “bền vững”, “tự nhiên”, “hữu cơ” hoặc “thương mại công bằng”. Do đó, cần có sự minh bạch

trong chuỗi cung ứng. Để đạt được điều này, nhiều nhà nhập khẩu đã xây dựng các quy tắc ứng xử của riêng mình và xây dựng mối quan hệ lâu dài với các nhà cung cấp ưu tiên của các nước đang phát triển.

(ii) Đại lý/môi giới

Các đại lý tham gia vào việc buôn bán hạt điều thường thực hiện hai loại hoạt động. Các đại lý thường hoạt động như những công ty độc lập thay mặt khách hàng của họ đàm phán và làm trung gian giữa người mua và người bán. Thông thường, họ tính phí hoa hồng từ 2% đến 4% cho các dịch vụ trung gian của họ.

Một hoạt động khác do các bên này thực hiện là cung cấp nhãn hiệu riêng cho các chuỗi bán lẻ ở châu Âu. Đối với hầu hết các nhà cung cấp ở các nước đang phát triển, việc tham gia vào các thủ tục đấu thầu nhãn hiệu tư nhân khá khó khăn. Đối với các dịch vụ này, một số đại lý, hợp tác với các nhà cung cấp hạt điều của họ, tham gia vào các thủ tục thu mua do chuỗi bán lẻ đưa ra.

Các đại lý hạt điều tại các thị trường hàng đầu châu Âu bao gồm: MW Nuts (Đức), Hpm Warenhandelsagentur (Đức), Global Trading (Hà Lan), QFN (Hà Lan) và Nutful (Bỉ).

(iii) Kênh bán lẻ

Các nhà bán lẻ hiếm khi mua trực tiếp từ các nhà xuất khẩu của các nước đang phát triển. Tuy nhiên, một số nhà xuất khẩu (nhà chế biến) ở các nước đang phát triển đóng gói sản phẩm của họ trực tiếp cho nhãn hiệu riêng hoặc thậm chí nhãn hiệu riêng của họ. Gần đây, lĩnh vực bán lẻ ngày càng trở nên phân cực, có sự chuyển dịch sang phân khúc giảm giá hoặc cao cấp. Sự củng cố, bão hòa thị trường, cạnh tranh khốc liệt và giá thấp là những đặc điểm chính của thị trường thực phẩm bán lẻ châu Âu.

Các công ty bán lẻ thực phẩm hàng đầu ở châu Âu khác nhau ở mỗi quốc gia. Các công ty có thị phần lớn nhất là Schwartz Gruppe (thương hiệu Lidl và Kaufland), Carrefour, Tesco, Aldi, Edeka, Leclerc, Metro Group, Rewe Group, Auchan, Intermarché và Ahold (Delhaize, Albert Heijn và một số thương hiệu khác).

Trong năm 2020, doanh số bán hàng trực tuyến tăng đáng kể đối với tất cả các nhà bán lẻ. Diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, nhiều người tiêu dùng phải ở trong nhà và tránh ra ngoài mua sắm. Bán hàng trực tuyến đã ảnh hưởng đến

hậu cần và hiệu quả giao hàng của các chuỗi bán lẻ lớn. Bán hàng trực tuyến đang là mối đe dọa tiềm tàng đối với các cửa hàng nhỏ.

(iv) Kênh dịch vụ ăn uống

Kênh dịch vụ ăn uống (khách sạn, nhà hàng và cơ sở ăn uống) thường do các nhà nhập khẩu chuyên biệt (nhà bán buôn) cung cấp. Phân khúc dịch vụ thực phẩm thường yêu cầu cụ thể bao bì hạt điều với trọng lượng từ 1kg đến 5kg, khác với yêu cầu đóng gói số lượng lớn hoặc bán lẻ.

Ẩm thực thế giới, thực phẩm lành mạnh và thưởng thức ẩm thực là những động lực chính trong kênh dịch vụ ăn uống ở châu Âu. Các loại hình kinh doanh phát triển nhanh nhất có xu hướng là thức ăn nhanh mới (lành mạnh), thức ăn đường phố và nhà hàng pop-up, cũng như các nhà hàng phục vụ các món ăn quốc tế và quán bánh mì sandwich.

Các nhà nhập khẩu chuyên ngành dường như là đầu mối liên hệ hữu ích nhất nếu muốn xuất khẩu hạt điều sang thị trường châu Âu. Điều này đặc biệt phù hợp với các nhà cung cấp mới vì việc cung cấp trực tiếp cho phân khúc bán lẻ là rất khắt khe và đòi hỏi đầu tư đáng kể vào lĩnh vực chất lượng và hậu cần.

Tuy nhiên, đóng gói cho nhãn hiệu riêng có thể là một lựa chọn cho các nhà sản xuất được trang bị tốt và giá cả cạnh tranh. Việc đóng gói nhãn hiệu riêng thường được thực hiện bởi các nhà nhập khẩu ký hợp đồng với các chuỗi bán lẻ ở châu Âu. Ngoài ra, để có toàn quyền kiểm soát quá trình chế biến, việc rang và đóng gói hạt điều cho phân khúc snack tại châu Âu trở nên dễ dàng hơn. Khi chi phí lao động ở châu Âu ngày càng tăng, các nhà nhập khẩu hạt điều đôi khi tìm kiếm các hoạt động rang hiệu quả hơn về chi phí, ví dụ như ở Đông Âu hoặc các nước đang phát triển.

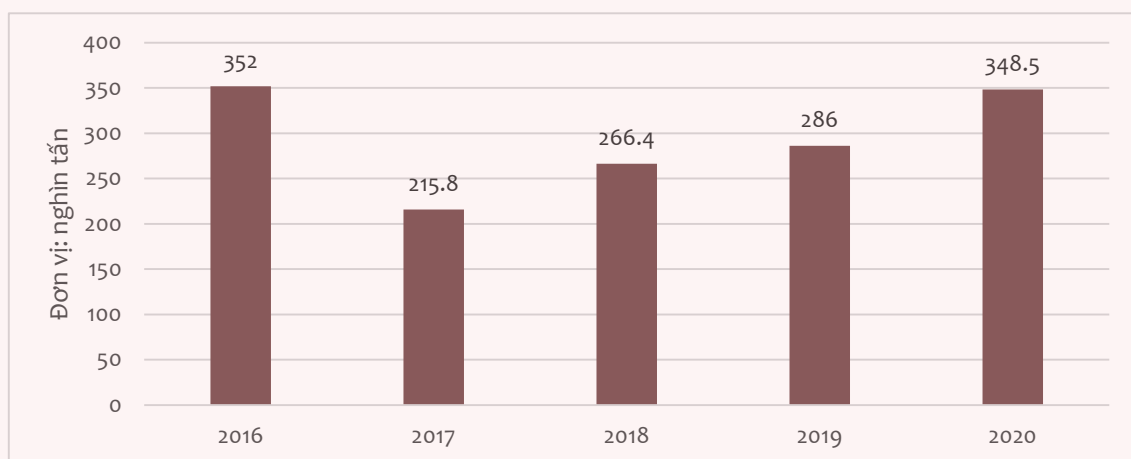
II. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CUNG ỨNG CỦA VIỆT NAM

Việt Nam là quốc gia sản xuất, chế biến và cung ứng điều nhân lớn hàng đầu thế giới. Sản lượng và năng suất điều tăng trưởng tích cực trong những gần đây. Theo số liệu sơ bộ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, năm 2021, diện tích trồng điều của cả nước đạt 305 nghìn ha, tăng 2,6 nghìn ha; sản lượng điều thô đạt 367,2 nghìn tấn, tăng 18,7 nghìn tấn (+5,4%). Năng suất bình quân trồng điều ở Việt Nam cao hơn 2 lần so với mức bình quân của thế giới, cao hơn cả Braxin và Ấn Độ.



Thời gian qua ngành điều đã đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất. Đáng chú ý, nhiều địa phương đã triển khai các mô hình thâm canh, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật đến nông dân như tỉa cành, tạo tán, bón phân, phòng trừ sâu bệnh, giúp cho cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt. Vì vậy, nhiều hộ trồng điều có quy mô lớn thực hiện thâm canh tốt, chăm sóc đúng quy trình, đạt năng suất từ 30 đến 35 tạ/ha, cá biệt có nơi đạt từ 35 đến 50 tạ/ha.

Biểu đồ 6: Sản lượng điều trong giai đoạn 2016 -2020



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Chiếm gần 50% diện tích và hơn 54% sản lượng điều của cả nước, Bình Phước được xem là “thủ phủ” của cây điều Việt Nam. Diện tích cây điều toàn tỉnh Bình Phước hiện nay khoảng 170.000 ha, với sản lượng 243.000 tấn/năm. Điều Bình Phước cũng được đánh giá cao về chất lượng. Hiện nay, tỉnh Bình Phước cũng đã từng bước thành lập các hợp tác xã sản xuất nguyên liệu điều với chỉ dẫn địa lý được chứng nhận để cung cấp nguyên liệu đồng bộ cho thị trường; hình thành cụm ngành chế biến điều; tập trung thu hút chế biến sâu để đa dạng hóa sản phẩm. Đồng thời, đổi mới công nghệ chế biến bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm; tăng cường cơ giới hóa trong sản xuất và chế biến điều thô. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cũng đang đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ để tự động hóa chế biến hạt điều và chế biến chuyên sâu đem lại giá trị cao. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước đã phê duyệt quy hoạch điều chỉnh bổ sung quy hoạch phát triển ngành điều đến năm 2025 tầm nhìn 2030. Mục tiêu mà Bình Phước đặt ra là năm 2020 đến năm 2030, diện tích điều của tỉnh đạt từ 175.000-179.000ha, năng suất tăng từ 1,5 tấn/ha lên 2,1 tấn/ha; sản lượng từ 243.000 tấn năm 2020 lên 352.000 tấn vào năm 2030; giữ nguyên công suất chế biến hạt điều 500.000 tấn/năm; trong số đó chế biến sâu từ 10.000 tấn (năm 2020) lên 30.000 tấn vào năm 2030.



Về chế biến: Năng lực chế biến điều ở Việt Nam rất lớn, nguồn cung hạt điều thô nội địa không đáp ứng đủ nhu cầu, do đó Việt Nam phải nhập khẩu hạt điều thô nguyên vỏ chủ yếu từ châu Phi. Lợi thế chính của các nước chế biến hạt điều hàng đầu như Việt Nam là sử dụng thiết bị tự động. Thông thường, một công nhân có thể cắt tơi 40 kg hạt trong mỗi ca hàng ngày, trong khi công suất chế biến của máy tự động có thể lên đến hơn 100 kg mỗi giờ. Kỹ thuật chế biến có tỷ lệ thu hồi nhân nguyên của Việt Nam đạt 85%-90%, trong khi Braxin và Ấn Độ chỉ đạt khoảng 60%.



Theo Hiệp hội Điều Việt Nam (Vinacas), cả nước có trên 3.000 cơ sở chế biến điều, trong đó, chỉ riêng Bình Phước, thủ phủ ngành điều Việt Nam, đã có tới 1.400 cơ sở. Số lượng nhà máy chế biến điều ở Việt Nam phát triển rất nhanh, hiện có khoảng 500 nhà máy chế biến điều có tổng công suất đạt hơn 4 triệu tấn (quy theo nguyên liệu hạt điều thô), bằng 50% tổng sản lượng điều thô toàn cầu.

Để tận dụng nhiều cơ sở tách vỏ, Việt Nam nhập khẩu hạt điều nguyên vỏ từ Bờ Biển Ngà, Campuchia, Tanzania, Ghana, Nigeria và các nước sản xuất khác. Dự kiến, nhập khẩu các loại hạt nguyên vỏ của Việt Nam từ Bờ Biển Ngà sẽ giảm dần do đầu tư vào các cơ sở chế biến ở nước này. Tuy nhiên, nhập khẩu từ Campuchia dự kiến sẽ tăng. Các nhà chế biến Việt Nam đang ngày càng đầu tư nhiều hơn vào sản xuất các loại hạt còn nguyên vỏ của Campuchia. Hầu hết hạt điều có vỏ (nhân) do Việt Nam sản xuất được xuất khẩu, chỉ khoảng 5% được tiêu

thụ trong nước. Trong chuỗi giá trị hạt điều toàn cầu, Việt Nam chủ yếu vẫn xuất khẩu điều nhân sơ chế giá trị thấp, khoảng 10 USD/kg, trong khi nhân điều thành phẩm đến tay người tiêu dùng ở các nước khoảng 30 USD/kg. Như vậy, Việt Nam chỉ chiếm khoảng 30% trong chuỗi giá trị ngành điều.

Một số hạn chế, khó khăn trong sản xuất hiện nay

Mặc dù hầu hết các nhà máy chế biến điều Việt Nam đều được cơ giới hóa, tuy nhiên mức độ chưa được đồng bộ và hiệu quả chưa cao. Các công đoạn sử dụng nhiều nhân công như cắt tách vỏ cứng, bóc vỏ lụa, phân loại chưa được tự động hóa hoàn toàn trong chu trình chế biến. Đồng thời nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu vận hành hiệu quả hệ thống máy móc hiện đại dẫn đến lãng phí. Cùng với đó, diện tích trồng điều còn manh mún, nhỏ lẻ nên khó áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất.



Việt Nam cũng chưa chủ động được nguồn cung nguyên liệu, phải nhập khẩu phần lớn điều thô để chế biến, nhiều nhất là từ châu Phi. Trong khi đó, các giao dịch xuất, nhập khẩu thường phải thông qua trung gian nên bị động về giá thành. Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, giai đoạn 2015 – 2020, nhập khẩu hạt điều của Việt Nam tăng trưởng bình quân 12,76%/năm (tính theo lượng) và tăng 13,8%/năm (tính theo trị giá), từ 855,8 nghìn tấn, trị giá 1,13 triệu USD năm 2015 tăng lên 1,45 triệu tấn, trị giá 1,81 triệu USD năm 2020. Như vậy, Việt Nam

phải nhập khẩu một lượng hạt điều lớn hơn gấp 3 lần so với lượng xuất khẩu. Nhập khẩu nguyên liệu hạt điều thô kéo theo nhiều tiềm ẩn trong vấn đề thanh toán quốc tế. Nhiều doanh nghiệp đã kí kết nhập khẩu nhưng không thực hiện hoặc trì hoãn giao hàng. Doanh nghiệp chế biến trong nước buộc phải hủy đơn hàng xuất khẩu do không đủ nguyên liệu. Điều này ảnh hưởng lớn đến uy tín của doanh nghiệp.

III. THỰC TRẠNG XUẤT KHẨU MẶT HÀNG CỦA VIỆT NAM SANG EU

❖ Tổng quan xuất khẩu mặt hàng của Việt Nam

Việt Nam là quốc gia xuất khẩu nhân điều số một thế giới. Các sản phẩm điều nhân xuất khẩu của Việt Nam đã có mặt hơn 90 quốc gia và vùng lãnh thổ, chiếm trên dưới 80% lượng điều nhân xuất khẩu trên thế giới. Trong đó, Mỹ, EU, Trung Quốc là 3 thị trường tiêu thụ điều lớn nhất của Việt Nam.

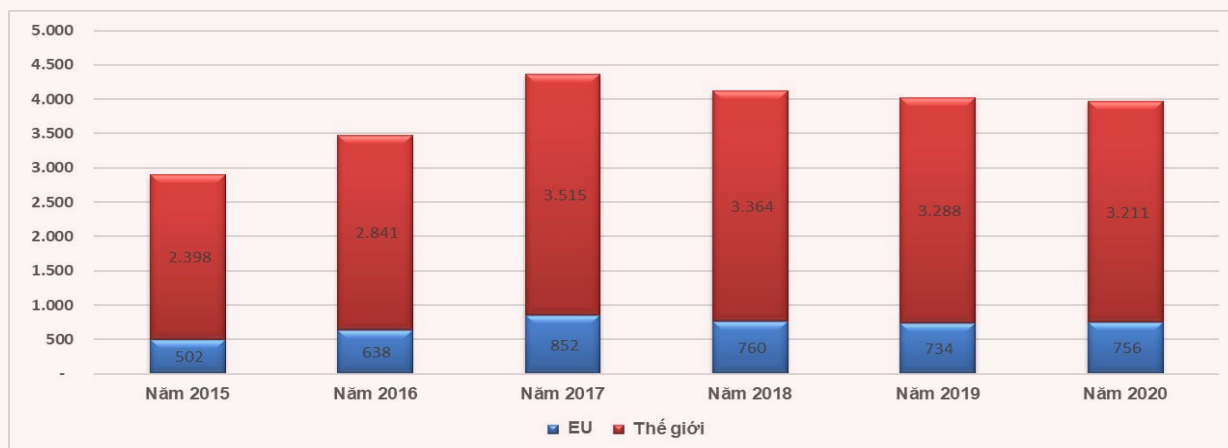


Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam trong giai đoạn 2015 – 2020 tăng trưởng bình quân 6,7%/năm, từ 2,4 tỷ USD vào năm 2015 tăng lên mức cao nhất 3,36 tỷ USD vào năm 2018, sau đó có xu hướng giảm dần (do giá điều giảm) nhưng vẫn giữ ở mức cao 3,29 tỷ USD vào năm 2019 và 3,21 tỷ USD vào năm 2020. Trong đó, tỷ trọng xuất khẩu điều của Việt Nam chiếm 23,5% trong năm 2020, cao hơn so với tỷ trọng 21,1% trong năm 2015.

Theo thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, năm 2021, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam đạt 579,8 nghìn tấn, trị giá 3,64 tỷ USD, tăng 12,6% về lượng và 13,3% về trị giá so với năm 2020.

Biểu đồ 7: Kim ngạch xuất khẩu hạt điều của Việt Nam 2015 – 2020

ĐVT: Triệu USD



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Nhóm 10 thị trường xuất khẩu hạt điều lớn nhất của Việt Nam trong giai đoạn 2015 – 2020

ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: Triệu USD

Thị trường	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Mỹ	92.662	832	97.543	975	117.724	1.223	118.423	1.212	129.336	1.029	143.430	992
Trung Quốc	49.646	358	51.325	430	47.954	475	51.466	458	70.936	595	74.427	514
Hà Lan	41.581	308	46.408	383	52.767	542	44.103	413	46.450	347	61.976	389
Australia	13.453	117	12.475	122	12.344	134	11.471	111	14.622	112	17.511	111
Đức	9.264	69	12.407	103	10.564	109	11.586	108	17.562	131	19.618	127
Anh	11.800	102	11.525	119	13.533	150	13.774	129	15.651	111	15.083	92
Canada	9.169	83	9.503	90	9.179	105	9.307	108	11.846	98	13.299	93
Thổ Nhĩ Kỳ	1.497	11	1.968	18	3.036	31	3.389	34	5.799	50	10.203	68
Thái Lan	6.435	65	4.907	62	5.743	85	7.284	74	7.843	69	7.515	55
Italia	5.334	29	5.877	38	5.474	41	7.369	52	7.855	44	8.158	42

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

❖ Tình hình xuất khẩu mặt hàng sang thị trường EU

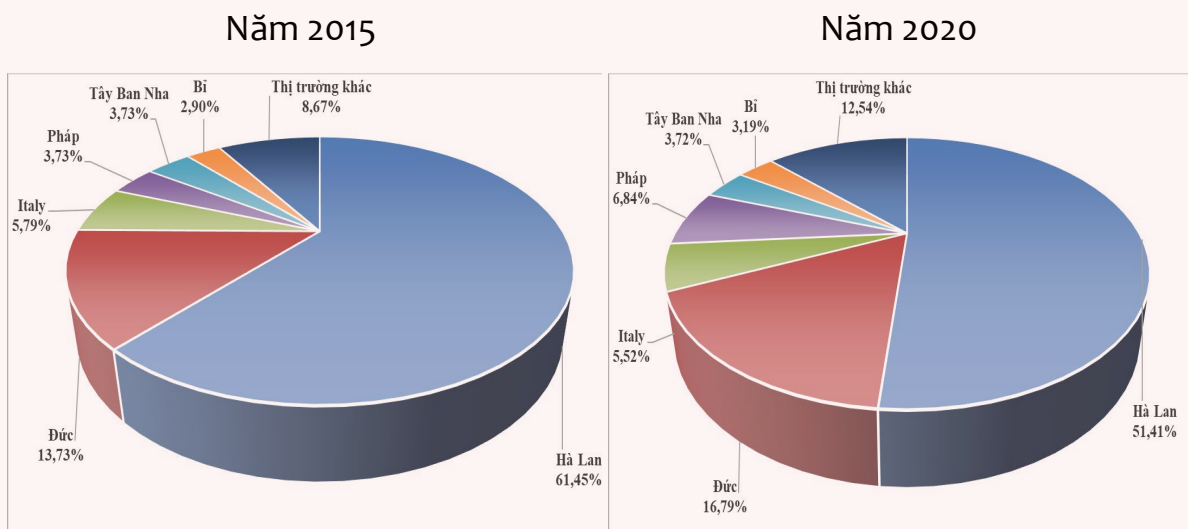
EU hiện nay là thị trường lớn thứ 2 của hạt điều Việt Nam, chiếm trên 23% trong tổng lượng và tổng kim ngạch xuất khẩu điều cả nước. Theo số liệu của Tổng cục Hải Quan, giai đoạn 2015 – 2020, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang

EU ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao, bình quân 11,72%/năm tính theo lượng và 9,91% tính theo trị giá, từ 68,4 nghìn tấn, trị giá 501,67 triệu USD năm 2015 tăng lên mức cao nhất 117,45 nghìn tấn, trị giá 756,16 triệu USD vào năm 2020. Đáng chú ý, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang hầu hết các thị trường thành viên EU đều tăng mạnh.

Hạt điều W320 là chủng loại xuất khẩu chính của ngành điều Việt Nam.



Biểu đồ 8: Cơ cấu thị trường xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang EU
(% tỷ trọng tính theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Hà Lan là thị trường xuất khẩu hạt điều lớn nhất của Việt Nam trong EU, chiếm tỷ trọng 51,4% năm 2020. Đây vừa là thị trường tiêu thụ trực tiếp, đồng thời

là cửa ngõ thâm nhập vào EU. Trong giai đoạn 2015-2020, xuất khẩu điều sang Hà Lan đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 9,53%/năm tính theo lượng và 7,59%/năm tính theo trị giá, từ 41,58 nghìn tấn, trị giá 308,26 triệu USD năm 2015 tăng lên xấp xỉ 62 nghìn tấn, trị giá 388,73 triệu USD vào năm 2020.

Đức là thị trường xuất khẩu hạt điều lớn thứ 2 của Việt Nam trong EU, chiếm tỷ trọng 16,79% năm 2020, ghi nhận tốc độ xuất khẩu tăng trưởng bình quân 18,41%/năm tính theo lượng và 14,54%/năm tính theo trị giá, từ 9,26 nghìn tấn, trị giá 68,9 triệu USD năm 2015 tăng lên 19,62 nghìn tấn, trị giá 126,92 triệu USD vào năm 2020.

Việt Nam cũng đang đẩy mạnh xuất khẩu điều sang nhiều quốc gia thành viên EU khác với tốc độ tăng trưởng bình quân ở mức cao trong giai đoạn 2015 – 2020 như: Phần Lan, Rumani, Slovenia, Đan Mạch, Litva, Hy Lạp...

Bảng 7: Xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang EU trong giai đoạn 2015 – 2020

ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD

Thị trường	Năm 2020		Tăng/giảm bình quân 2015-2020 (%/năm)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng	117.449	756.160	11,72	9,91
Hà Lan	61.976	388.736	9,53	7,59
Đức	19.618	126.923	18,41	14,54
Italy	8.158	41.711	9,68	8,99
Pháp	7.315	51.721	24,31	24,01
Tây Ban Nha	4.231	28.109	14,10	11,32
Bỉ	3.613	24.142	27,98	31,75
Hy Lạp	1.886	12.417	26,86	18,25
Litva	4.517	32.296	39,65	34,72
Ba Lan	1.823	16.822	29,59	31,74
Thụy Điển	1.053	8.497	7,97	9,17
Phần Lan	912	6.606	111,59	110,24
Latvia	473	4.402	11,27	14,33
Đan Mạch	434	2.744	11,13	2,39
Bungari	414	3.072	45,52	24,38
Estonia	318	1.886	32,19	21,26
Slovenia	153	1.202	68,89	67,86
Rumani	144	855	137,51	124,58
Hungary	111	1.889	68,65	27,14
Séc	111	775		92,23

Thị trường	Năm 2020		Tăng/giảm bình quân 2015-2020 (%/năm)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Bồ Đào Nha	101	775	5,46	0,99
Ai Len	46	293		
Síp	29	207	6,25	0,70
Manta	14	83		

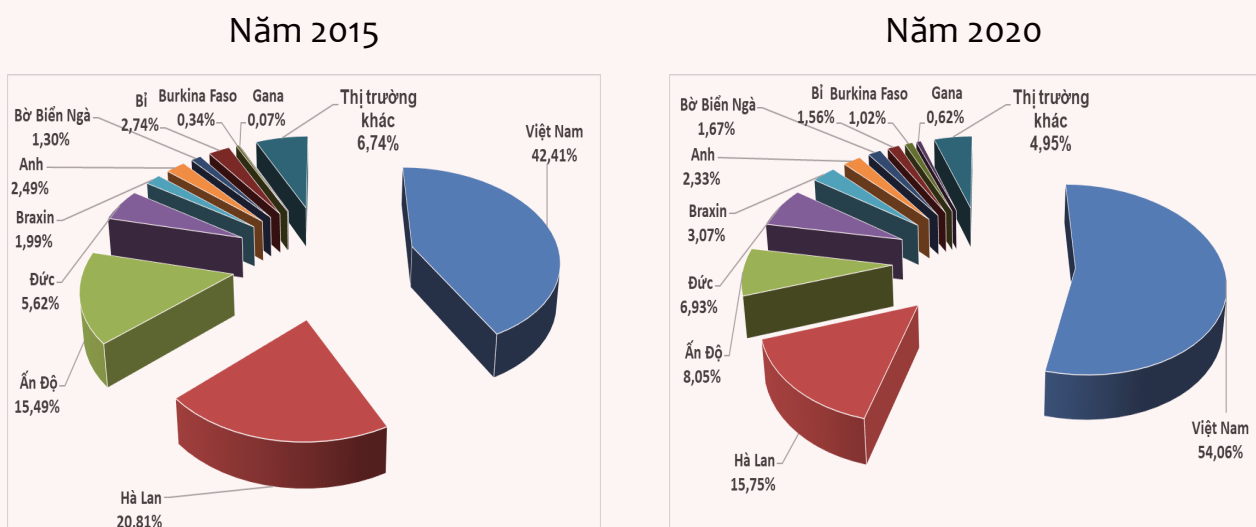
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Thị phần của Việt Nam tại EU

Việt Nam là nhà cung ứng hạt điều lớn nhất cho thị trường EU. Nhập khẩu hạt điều của EU từ Việt Nam ghi nhận tốc độ tăng trưởng tích cực trong giai đoạn 2015 – 2020. Theo số liệu Eurostat, giai đoạn 2015 – 2020, EU nhập khẩu hạt điều từ Việt Nam tăng trung bình 12,08%/năm (tính theo lượng) và 10,72% (tính theo trị giá), từ 63,8 nghìn tấn, trị giá 428,74 triệu EUR năm 2015 tăng lên 110,77 nghìn tấn, trị giá 684,6 triệu EUR năm 2020. Thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của EU tăng từ 42,41% trong năm 2015 lên 54,06% trong năm 2020. Mặc dù EU có xu hướng mở rộng cơ cấu nguồn cung hạt điều từ các thị trường khác như Braxin, Bờ Biển Ngà, Burkina Faso, Gana, Môdambic, Benin, Tôgô, tuy nhiên, lượng và giá trị nhập khẩu vẫn ở mức thấp. Điều này cho thấy, hạt điều của Việt Nam vẫn chiếm lợi thế cạnh tranh lớn tại EU và được người tiêu dùng khá ưa chuộng.

Biểu đồ 9: Thị phần của hạt điều Việt Nam tại EU

(% tính theo trị giá)

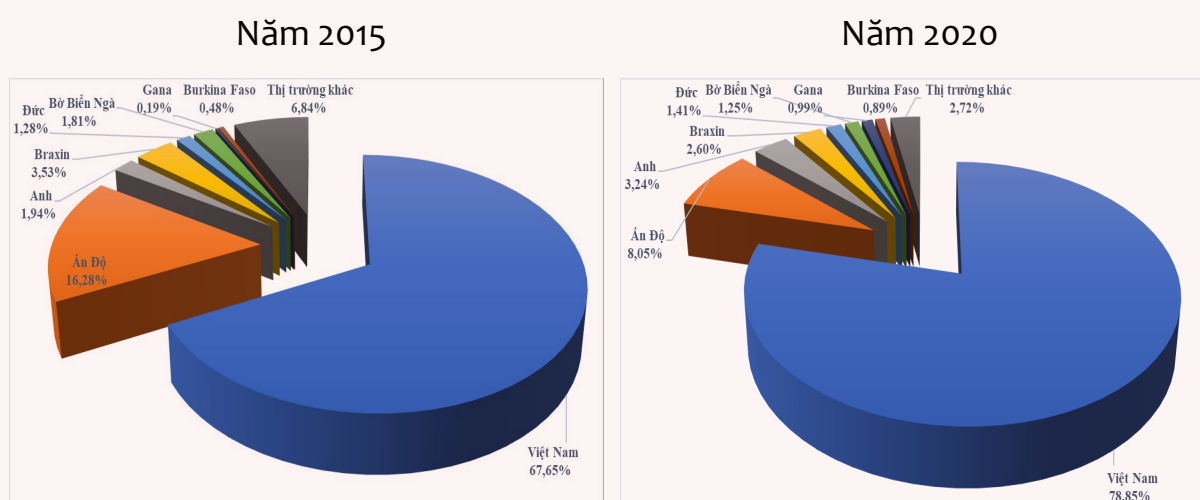


Nguồn: Eurostat

Thị phần tại Hà Lan: Giai đoạn 2015 – 2020, nhập khẩu hạt điều của Hà Lan từ Việt Nam tăng trưởng bình quân 7,46%/năm (tính theo lượng) và tăng 5,15%/năm (tính theo trị giá), từ 34,37 nghìn tấn, trị giá 232,94 triệu EUR năm 2015 tăng lên 46,24 nghìn tấn, trị giá 279,86 triệu EUR năm 2020. Thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng giá trị nhập khẩu của Hà Lan chiếm 67,65% năm 2015, tăng lên 78,85% năm 2020.

Biểu đồ 10: Thị phần của hạt điều Việt Nam tại thị trường Hà Lan

(% tỷ trọng tính theo trị giá)

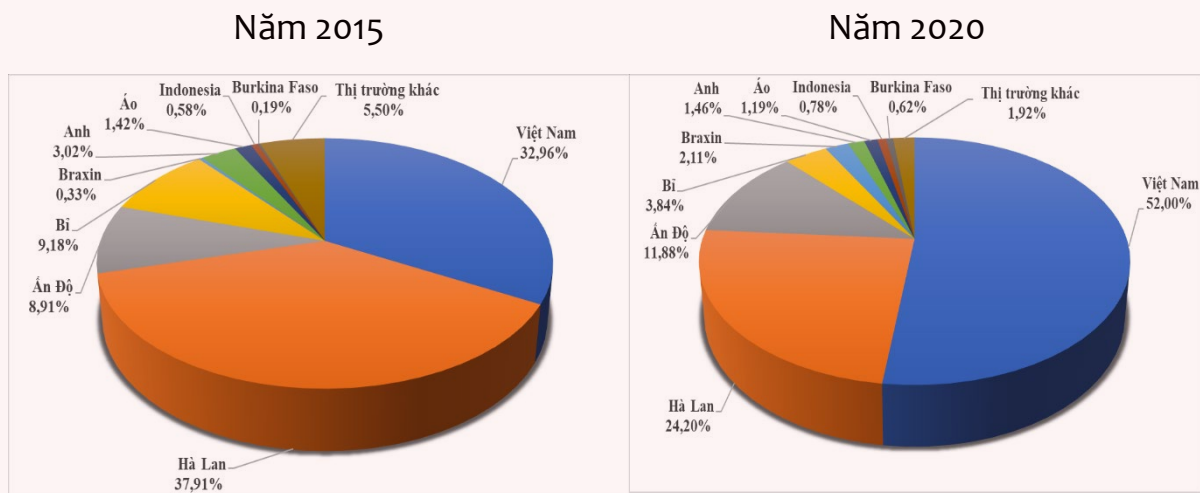


Nguồn: Tính toán từ số liệu của Eurostat

Thị phần tại Đức: Giai đoạn 2015 – 2020, nhập khẩu hạt điều của Đức từ Việt Nam tăng trưởng bình quân 22,02%/năm (tính theo lượng) và tăng 21,18%/năm (tính theo trị giá), từ 13,44 nghìn tấn, trị giá 95,34 triệu EUR năm 2015 tăng lên 34,1 nghìn tấn, trị giá 223,88 triệu EUR năm 2020. Thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng giá trị nhập khẩu của Đức chiếm 32,96% năm 2015, tăng lên 52% năm 2020.

Biểu đồ 11: Thị phần của hạt điều Việt Nam tại Đức

(% tỷ trọng tính theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Eurostat

Qua các phân tích có thể thấy, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang EU trong những năm gần đây đạt kết quả tăng trưởng tích cực, trong khi nhu cầu thị trường lớn và còn dư địa tiềm năng. Hạt điều của Việt Nam đã tạo được chỗ đứng tại thị trường EU khi trong một thời gian dài luôn chiếm thị phần cung ứng hạt điều số một cho khối này.

Tuy vậy, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam hiện vẫn chỉ tập trung ở một số thị trường lớn, cửa ngõ EU như Hà Lan, Đức, Pháp, Italia. Các doanh nghiệp chưa chú trọng đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng, thị trường ngách trong khu vực. Lượng và trị giá hạt điều xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng vẫn ở mức thấp, mặc dù ghi nhận tốc độ xuất khẩu tăng khả quan nhưng chưa đóng góp nhiều cho tăng trưởng kim ngạch chung toàn ngành. Ngoài ra, Việt Nam vẫn chủ yếu xuất khẩu điều nhân sơ chế; sản phẩm qua chế biến sâu chiếm tỉ lệ thấp nên giá trị gia tăng chưa cao, lợi nhuận bị chia sẻ qua nhiều khâu trung gian. Các sản phẩm điều Việt Nam hiện mới đang bước đầu tiếp cận được trực tiếp một số hệ thống phân phối ở các nước EU.

Ngoài ra, người tiêu dùng châu Âu cũng đòi hỏi yêu cầu chất lượng sản phẩm rất cao nên để đáp ứng được các điều kiện xuất khẩu sang thị trường EU luôn là nút thắt lớn đối với xuất khẩu điều của Việt Nam. Trên thực tế, EU là một thị trường khó tính với những quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật cao đối với hàng hóa nhập khẩu và đặc biệt nghiêm ngặt với các mặt hàng nông sản thực phẩm với mục đích để bảo vệ sức khỏe con người, điển hình như các quy định về vệ sinh an

toàn thực phẩm, kiểm dịch thực vật, yêu cầu về đóng gói, dán nhãn; công cụ phòng vệ thương mại được áp dụng thường xuyên. Ngay cả trong khối EU, ngoài các quy định chung, một số quốc gia thành viên còn có tiêu chí đối với hàng nhập khẩu thậm chí khắt khe hơn, điển hình như khu vực thị trường Bắc Âu, không những yêu cầu về chất lượng sản phẩm cao, các nước Bắc Âu còn quan tâm đến cả quy trình tạo ra sản phẩm từ “nông trại đến bàn ăn”. Các chứng nhận về môi trường, phát triển bền vững, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp cũng ngày càng được EU chú trọng. Ngay cả khi Việt Nam có FTA với EU, các thuế suất giảm nhanh, thậm chí về mức 0% thì các rào cản phi thuế quan cũng sẽ được nâng lên cao hơn nhiều.

Bên cạnh đó, xuất khẩu điều Việt Nam chịu sự cạnh tranh sẽ ngày càng khốc liệt hơn. Nhiều quốc gia sản xuất hạt điều trên thế giới đã chú trọng đầu tư vào ngành công nghiệp chế biến để đẩy mạnh xuất khẩu. Tốc độ nhập khẩu hạt điều của EU từ một số thị trường ngoại khối, đặc biệt là các nước châu Phi có tốc độ tăng rất mạnh, gấp nhiều lần so với mức tăng từ Việt Nam.

IV. CÁC NỘI DUNG CAM KẾT LIÊN QUAN TRONG HIỆP ĐỊNH EVFTA

❖ Cam kết thuế quan

Trong EVFTA, EU cam kết xóa bỏ thuế quan ngay khi EVFTA có hiệu lực đối với hàng hóa của Việt Nam thuộc 85,6% số dòng thuế trong biểu thuế, tương đương 70,3% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào EU.



Trong vòng 7 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực, EU cam kết xóa bỏ 99,2% số dòng thuế trong biểu thuế, tương đương 99,7% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào EU. Đối với 0,3% kim ngạch xuất khẩu còn lại (bao gồm: một số sản phẩm gạo, ngô ngọt, tỏi, nấm, đường và cá sản phẩm chứa hàm lượng đường cao, tinh bột sắn, cá ngừ đóng hộp), EU cam kết mở cửa cho Việt Nam theo hạn ngạch thuế quan (TRQs) với thuế nhập khẩu trong hạn ngạch là 0%.

Trong EVFTA, cam kết về thuế quan của EU đối với mặt hàng hạt điều nhập khẩu từ Việt Nam như sau:

Cam kết về thuế quan đối với mặt hàng hạt điều trong EVFTA được nêu tại:

- Lời văn của chương 2: Đối xử quốc gia và mở cửa thị trường đối với hàng hóa: Phần này bao gồm các quy tắc chung liên quan tới thuế quan, áp dụng chung cho cả EU và Việt Nam

- Các phụ lục 2-A của chương 2 – Cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan, trong đó:

- Tiểu phụ lục 2-A-1: Biểu thuế nhập khẩu của EU
- Tiểu phụ lục 2-A-2: Biểu thuế của Việt Nam

Cam kết thuế quan của các sản phẩm rau quả trong EVFTA được thể hiện bằng các ký hiệu chữ và số đi kèm, với ý nghĩa cụ thể như sau:

Ký hiệu	Giải thích
A	Xóa bỏ thuế ngay sau khi EVFTA có hiệu lực
B3	Xóa bỏ thuế dần đều trong vòng 4 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực
B5	Xóa bỏ thuế dần đều trong vòng 6 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực
B7	Xóa bỏ thuế dần đều trong vòng 8 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực

Trong EVFTA, EU cam kết xóa bỏ ngay thuế quan đối với mặt hàng hạt điều của Việt Nam, bao gồm: hạt điều tươi hoặc khô, đã hoặc chưa bóc vỏ (HS 08013100, 08013200).

❖ Cam kết về quy tắc xuất xứ

Để được hưởng ưu đãi thuế quan EVFTA, hàng hóa phải đáp ứng được quy tắc xuất xứ và thủ tục chứng nhận xuất xứ của EVFTA.

Cam kết về xuất xứ trong EVFTA đối với mặt hàng hạt điều được quy định tại *Nghị định thư 1 – Quy định hàng hóa có xuất xứ và phương thức hợp tác quản lý hành chính*. Nghị định thư này gồm 2 phần nội dung chính:

- Phần lời văn: Bao gồm các nguyên tắc chung về quy tắc xuất xứ và thủ tục chứng nhận xuất xứ và
- o8 Phụ lục: Bao gồm các cam kết chi tiết hoặc hướng dẫn cụ thể một số nội dung liên quan ở phần Lời văn (mẫu Chứng nhận xuất xứ, các giải thích bổ sung...). Trong đó có Phụ lục II – Danh mục công đoạn gia công và chế biến – đây chính là *Danh mục về quy tắc xuất xứ riêng cho từng nhóm hàng hóa* (trong đó có mặt hàng hạt điều).



Lưu ý: Khi đọc Phụ lục II – Danh mục Công đoạn Gia công hoặc Chế biến của Nghị định thư về QTTX đối với từng nhóm sản phẩm cụ thể của Nghị định thư 1, cần đọc Phụ lục I – Định nghĩa và chú giải cho Phụ lục II để hiểu được các từ ngữ và quy định trong Phụ lục II. Các loại tiêu chí xuất xứ của EVFTA về bản chất thì giống các FTA đã có của Việt Nam nhưng ngôn ngữ thể hiện và một số nội dung mới hoặc khác so với các FTA đã có.

Việt Nam hiện đã ban hành quy định hướng dẫn về việc thực hiện quy tắc xuất xứ hàng hóa trong EVFTA tại Thông tư số 11/2020/TT-BCT¹ ngày 15/06/2020.

Quy tắc xuất xứ đối với sản phẩm hạt điều trong EVFTA cụ thể như sau:

- Toàn bộ mặt hàng hạt điều có một quy tắc xuất xứ duy nhất là Xuất xứ thuần túy².
- Trọng lượng đường được sử dụng không vượt quá 20% trọng lượng của sản phẩm cuối cùng.

❖ Cam kết về chứng nhận xuất xứ

Theo EVFTA, Việt Nam có thể lựa chọn áp dụng cơ chế cấp giấy chứng nhận xuất xứ hoặc cơ chế tự chứng nhận xuất xứ khi thấy thích hợp, áp dụng đối với tất cả các hàng hóa, trong đó có mặt hàng hạt điều.

Cơ chế tự chứng nhận xuất xứ là cơ chế mới với Việt Nam. So với cơ chế cấp giấy chứng nhận truyền thống, cơ chế tự chứng nhận xuất xứ được đánh giá là thuận lợi hơn, giúp doanh nghiệp xuất khẩu giảm được thủ tục xin chứng nhận xuất xứ, từ đó giảm chi phí thời gian, tiền bạc, nhân lực cho thủ tục này.

Giấy chứng nhận xuất xứ cho hàng Việt Nam xuất khẩu sang EU

➤ Mẫu giấy chứng nhận xuất xứ EVFTA

Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) EVFTA có mẫu EUR.1, theo quy định trong EVFTA, mẫu này áp dụng chung cho cả hàng hóa xuất khẩu từ EU và Việt Nam. Tuy nhiên, do EU không áp dụng cơ chế cấp chứng nhận xuất khẩu bởi cơ quan có thẩm quyền mà áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất khẩu bởi nhà xuất khẩu có đăng ký (hệ thống REX), mẫu EUR.1 trên thực tế chỉ áp dụng đối với hàng xuất khẩu từ Việt Nam đi EU.

¹http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=200377

² Theo Khoản 1 điều 4, Nghị định thư 1 của EVFTA thì các sản phẩm rau quả được coi là có xuất xứ thuần túy nếu được trồng và thu hoạch (hoặc thu lượm) tại một Bên (Việt Nam hoặc EU). Điều này có nghĩa các công đoạn từ trồng và thu hoạch sản phẩm phải ở Việt Nam, nhưng giống (hạt giống, cây giống) thì có thể nhập khẩu.

Mẫu EUR.1 được quy định tại Phụ lục VII, Nghị định thư 1 EVFTA. Thông tin khai báo trên mẫu EUR.1 được cho là đơn giản hơn so với mẫu C/O trong các FTA mà Việt Nam đã ký kết:

- Một số thông tin nhà xuất khẩu được phép lựa chọn khai báo hoặc không khai báo trên C/O mẫu EUR.1 (ví dụ nhà nhập khẩu, hành trình lô hàng, số hóa đơn thương mại,...)
- Một số thông tin không bắt buộc thể hiện trên EUR.1 (như tiêu chí xuất xứ, mã số HS của hàng hóa...). Đây là một điểm khác so với các mẫu C/O theo các FTA khác của Việt Nam (các FTA này đều yêu cầu khai mã HS và tiêu chí xuất xứ của hàng hóa).
- Thời hạn hiệu lực của C/O EUR.1 là 12 tháng kể từ ngày phát hành.

➤ Thời điểm cấp C/O mẫu EUR.1

Đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam sang EU, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam sẽ cấp C/O mẫu EUR.1 sớm nhất có thể từ ngày xuất khẩu hàng hóa (ngày tàu chạy theo kê khai) và không quá ba ngày làm việc kể từ sau ngày này.

Giấy Chứng nhận xuất xứ hàng hóa có thể được cấp sau khi xuất khẩu nhưng chỉ trong một số trường hợp như quy định cụ thể tại Điều 17 Nghị định thư. Giấy này có thể được cấp lại trong trường hợp bị mất, thất lạc hoặc hư hỏng.

➤ Thời điểm nộp C/O

EVFTA không có quy định cụ thể về thời điểm nộp C/O EVFTA, mà cho phép từng Bên (Việt Nam/EU) quy định phù hợp theo pháp luật của mình. Trên thực tế:

- **Đối với hàng hóa EU nhập khẩu vào Việt Nam:** theo quy định hiện hành của Việt Nam (Thông tư số 38/2018/TT-BTC ngày 20/04/2018 của Bộ Tài chính), thời điểm nộp C/O của hàng hóa nhập khẩu từ một nước có thỏa thuận ưu đãi thuế quan với Việt Nam là tại thời điểm làm thủ tục hải quan cho hàng nhập khẩu, và có thể nộp muộn không quá 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan.
- **Đối với hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang EU:** EU cho phép nộp C/O cho cơ quan hải quan của EU để hưởng ưu đãi thuế quan sau thời điểm nhập khẩu hàng hóa vào EU. Theo thông tin từ phía EU thì thời hạn cho phép nộp sau này ít nhất là 2 năm.

Phụ lục VIII
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ EUR 1
(ban hành kèm theo Thông tư số...../TT-BCT ngày ...tháng ...năm 2020
của Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định EVFTA)

MOVEMENT CERTIFICATE			
1. Exporter (Name, full address, country)	EUR.1 No		
	See notes overleaf before completing this form.		
3. Consignee (Name, full address, country) (Optional)	2. Certificate used in preferential trade between European Union and Socialist Republic of Viet Nam		
	4. Country, group of countries or territory in which the products are considered as originating	5. Country, group of countries or territory of destination	
6. Transport details (Optional)	7. Remarks		
8. Item number; Marks and numbers; Number and kind of packages ⁽¹⁾ ; Description of goods	9. Gross mass (kg) or other measure (litres, m ³ , etc.)	10. Invoices (Optional)	
⁽¹⁾ If goods are not packed, indicate number of articles or state "in bulk" as appropriate.			
11. CUSTOMS OFFICE (EU) or ISSUING AUTHORITIES (VN) ENDORSEMENT <i>Declaration certified</i> Export document ⁽²⁾ Form No Of Customs office/Issuing authority Issuing country or territory Stamp Place and date (Signature)		12. DECLARATION BY THE EXPORTER I, the undersigned, declare that the goods described above meet the conditions required for the issue of this certificate. Place and date (Signature)	
⁽²⁾ Complete only where the regulations of the exporting country or territory require.			

❖ Các cam kết liên quan đến SPS

Cam kết chung

Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) có một Hiệp định riêng về SPS (tiếng Anh: *Sanitary and Phytosanitary*, viết tắt: SPS) với các nguyên tắc liên quan tới quy trình và cách thức áp dụng các biện pháp SPS; đây là hiệp định về các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động vật, được thỏa thuận bởi các thành viên của WTO. Các FTA nói chung thường tiếp nối các nguyên tắc cơ bản của WTO về các biện pháp SPS, tái khẳng định các cam kết của các bên trong WTO trong việc hạn chế sử dụng các biện pháp gây cản trở thương mại này. Chương SPS của EVFTA bên cạnh việc nhấn mạnh trách nhiệm bảo đảm tuân thủ các nghĩa vụ về SPS theo WTO, còn bổ sung thêm một số cam kết mới, trong đó đặc biệt là việc thống nhất áp dụng các biện pháp SPS đối với hàng nhập khẩu từ Bên kia với hàng nội địa và thống nhất về cơ quan có thẩm quyền quản lý SPS của Việt Nam và EU. Các quy định này áp dụng chung đối với tất cả các sản phẩm liên quan, trong đó có mặt hàng hạt điều.



Trong EVFTA, liên quan tới các biện pháp SPS với hàng nhập khẩu, có một số cam kết đáng chú ý:

- Biện pháp SPS phải được áp dụng thống nhất đối với toàn bộ lãnh thổ của Bên xuất khẩu (ngoại trừ hàng hóa từ các vùng có nguy cơ).
- Biện pháp SPS phải có căn cứ khoa học, phù hợp với rủi ro có liên quan, ít hạn chế thương mại nhất có thể; được áp dụng công bằng, không phân biệt đối xử, minh bạch.
- Bên xuất khẩu phải đảm bảo tuân thủ các yêu cầu nhập khẩu của Bên nhập khẩu
- Bên nhập khẩu có quyền thực hiện kiểm tra nhập khẩu theo mức độ rủi ro về SPS của hàng nhập khẩu nhưng phải thông tin đầy đủ về tần suất kiểm tra và điều chỉnh tần suất cho phù hợp.
- Về các loại sâu bệnh: Việt Nam và EU phải thiết lập và cập nhật danh sách các loại sâu bệnh được kiểm soát và cung cấp các danh sách này cho Bên kia, chỉ áp dụng SPS với các loại sâu bệnh thuộc diện kiểm soát mà Bên nhập khẩu quan ngại.

Thống nhất về cơ quan có thẩm quyền về SPS của Việt Nam và EU:

EVFTA có một số cam kết xác định rõ phân quyền quản lý SPS ở mỗi Bên như sau:

- **Cơ quan quản lý SPS của Việt Nam**

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm về các biện pháp SPS sau: Đối với hàng xuất khẩu: thanh tra, kiểm dịch và phát hành giấy chứng nhận bảo đảm đáp ứng các SPS của EU.

- Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, tùy thuộc vào chức năng, nhiệm vụ của mình, chịu trách nhiệm về an toàn thực phẩm sử dụng cho người bao gồm: Đối với hàng xuất khẩu, kiểm tra và cấp giấy chứng nhận.

- **Cơ quan quản lý SPS của EU**

- Đối với sản phẩm nhập khẩu từ Việt Nam: Mỗi nước thành viên EU chịu trách nhiệm kiểm tra sự phù hợp của hàng hóa nhập khẩu với các điều kiện nhập khẩu của EU.

- Ủy ban châu Âu (EC - cơ quan cấp Liên minh) chịu trách nhiệm về phối hợp chung, kiểm tra/thanh tra hệ thống kiểm soát và hệ thống pháp luật liên quan của các nước thành viên nhằm bảo đảm việc áp dụng thống nhất các SPS của thị trường nội khối.

EVFTA có một số cam kết về các vấn đề SPS cụ thể, áp dụng chung cho các sản phẩm liên quan, trong đó có mặt hàng hạt điều như sau:

Quyền áp dụng biện pháp SPS theo khu vực địa lý

Theo EVFTA, Việt Nam và EU được quyền áp dụng các biện pháp SPS riêng theo phân vùng địa lý tùy thuộc nguy cơ dịch bệnh và sâu bệnh.

Cụ thể, đối với hàng hóa nhập khẩu, nếu trên lãnh thổ Bên xuất khẩu có nguy cơ dịch bệnh cao, có vùng nguy cơ thấp và có vùng không có nguy cơ trong cùng một thời điểm thì Bên nhập khẩu sẽ có quyền chủ động phân vùng địa lý theo nguy cơ dịch bệnh, áp dụng các biện pháp SPS khác nhau đối với hàng hóa xuất nhập khẩu phát từ các vùng có nguy cơ khác nhau của Bên xuất khẩu.

Đối với hàng hóa của mình xuất khẩu đi, Việt Nam/EU cũng có quyền áp dụng các biện pháp SPS khác nhau đối với các vùng địa lý khác nhau theo nguy cơ dịch bệnh này.

Việc xác định tính chất của mỗi vùng (của cả nước nhập khẩu và nước xuất khẩu) phải căn cứ vào Hiệp định SPS của WTO, các tiêu chuẩn, khuyến nghị liên quan của Công ước Bảo vệ thực vật quốc tế (IPPC), Tổ chức Thú y thế giới (OIE).

Trường hợp Bên nhập khẩu phân vùng địa lý để áp dụng biện pháp SPS đối với hàng hóa nhập khẩu thì cần cân nhắc cả cách phân vùng nguy cơ dịch bệnh của Bên xuất khẩu; trường hợp không đồng ý với cách phân vùng của Bên xuất khẩu thì phải tạo điều kiện để hai Bên tham vấn về các bằng chứng liên quan.

Quyền áp dụng các biện pháp SPS khẩn cấp

Do gắn với các vấn đề về dịch tễ vốn không phải luôn luôn dự đoán trước được, bên cạnh các biện pháp SPS có tính ổn định, có nhiều biện pháp SPS bất thường, khẩn cấp, thường là liên quan tới các dịch bệnh bất ngờ.

EVFTA có các cam kết riêng về các biện pháp SPS khẩn cấp này, với mục tiêu vừa bảo đảm khả năng phản ứng nhanh với các trường hợp rủi ro cao về dịch tễ nhưng đồng thời tránh hiện tượng lạm dụng, hạn chế tối đa các tác động không cần thiết đối với thương mại.

Cụ thể, theo EVFTA, khi một Bên có quan ngại nghiêm trọng về một vấn đề SPS như rủi ro cho sức khỏe hoặc tính mạng con người, động thực vật thì có thể yêu cầu tham vấn với Bên kia trong thời gian sớm nhất có thể và cung cấp các thông tin cần thiết để tránh gây ảnh hưởng đình trệ thương mại.

Nếu cần thiết, Bên nhập khẩu có quyền áp dụng các biện pháp SPS khẩn cấp để bảo vệ sức khỏe tính mạng con người, động thực vật mà không cần báo trước. Tuy nhiên việc áp dụng biện pháp khẩn cấp này phải được tính toán để mức độ ảnh hưởng tới thương mại là thấp nhất có thể và Bên nhập khẩu trong vòng 24 giờ phải thông báo cho nước xuất khẩu về biện pháp này. Nếu Bên xuất khẩu có yêu cầu thì phải thực hiện tham vấn về tình trạng khẩn cấp liên quan trong vòng 10 ngày kể từ khi có thông báo.

Công nhận tương đương

Liên quan tới các biện pháp SPS, công nhận tương đương được hiểu là việc nước nhập khẩu công nhận rằng biện pháp SPS của nước xuất khẩu có hiệu quả tương đương với biện pháp SPS của mình.

Nếu biện pháp SPS được công nhận tương đương, hàng nhập khẩu sẽ chỉ phải làm thủ tục kiểm soát SPS tại nước xuất khẩu mà không phải làm lại thủ tục này khi đến cảng nước nhập khẩu, tạo điều kiện thuận lợi rất lớn cho người xuất

nhập khẩu. Tuy nhiên trên thực tế, mỗi nước đều có quyền chủ động rất lớn trong việc quyết định biện pháp SPS của mình, do đó các biện pháp SPS đối với cùng một sản phẩm có thể có sự khác biệt lớn giữa các nước. Chính vì vậy, việc công nhận tương đương này thường không dễ dàng.

EVFTA cũng không có cam kết cụ thể nào bắt buộc việc công nhận tương đương này mà chỉ nêu cơ chế để tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc công nhận tương đương, nếu có. Cụ thể:

- Với tư cách là Bên xuất khẩu, Việt Nam hoặc EU đều có quyền yêu cầu Bên kia (Bên nhập khẩu) công nhận tương đương một hoặc một số biện pháp SPS nhất định;

- Bên nhập khẩu phải bắt đầu thủ tục tham vấn về công nhận tương đương trong vòng 03 tháng kể từ khi nhận được yêu cầu này (ngắn hơn so với thời hạn mà WTO quy định là 06 tháng); về việc xem xét tính tương đương cần được tiến hành nhanh chóng, đặc biệt đối với các sản phẩm đã từng nhập khẩu từ Bên xuất khẩu; Bên nhập khẩu cần xem xét đầy đủ yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật của Bên xuất khẩu nhằm tạo thuận lợi cho việc công nhận tương đương;

- Trong khi Bên nhập khẩu đang cân nhắc xem xét công nhận tính tương đương, việc nhập khẩu sản phẩm liên quan sẽ vẫn được tiến hành bình thường, không bị ngừng hoặc hoãn lại vì lý do này.

Mặc dù EVFTA có nội dung khuyến khích việc công nhận tương đương về biện pháp SPS, trên thực tế doanh nghiệp Việt Nam rất khó có thể hy vọng EU công nhận tương đương đối với các biện pháp SPS của Việt Nam bởi:

- EU là khu vực nổi tiếng trên thế giới về các biện pháp SPS khắt khe, cao hơn hẳn so với nhiều khu vực khác, đặc biệt cao hơn so với các biện pháp SPS ở các nước đang phát triển như Việt Nam.

- EU rất hiếm khi công nhận tương đương các biện pháp SPS với các nước khác trên thế giới, kể cả với các nước được cho là có chuẩn SPS cao.

❖ Các cam kết về hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (TBT)

Trong thương mại quốc tế, hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (*technical barriers to trade*, gọi tắt là TBT) là các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mà một nước áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu và/ hoặc quy trình đánh giá sự phù hợp của hàng hóa nhập khẩu đối với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đó.

Đối với cam kết về TBT, EVFTA chủ yếu bao gồm các cam kết chung hợp tác, minh bạch hóa trong lĩnh vực hàng rào kỹ thuật, để có thể xuất khẩu vào EU, hàng hóa phải tuân thủ các nguyên tắc TBT trong quá trình chế biến, đóng gói sản phẩm và bảo vệ môi trường.

Technical Barriers to International Trade		
Country A		Country B
Technical Regulations	C U S T O M S	Technical Regulations
Standards		Standards
Testing, Calibration Inspection		Testing, Calibration Inspection
Certification		Certification
Packaging		Packaging
Labelling		Labelling
Other requirements		Other requirements

Trong EVFTA, các cam kết TBT có khả năng ảnh hưởng đến các mặt hàng hạt điều là các quy định về đánh dấu và ghi nhãn hàng hóa.

Quy định về Đánh dấu và Ghi nhãn hàng hóa trong EVFTA

EU không cấm hay hạn chế các nước trong việc ban hành các quy định về Đánh dấu và ghi nhãn trên hàng hóa. Tuy nhiên, việc ban hành các quy định này không được tạo ra các rào cản không cần thiết cho thương mại quốc tế. EVFTA có một số cam kết về ghi nhãn và đánh dấu trên hàng hóa, đáng chú ý có các cam kết về:

- Thông tin bắt buộc phải có trên dấu, nhãn hàng hóa chỉ bao gồm các thông tin có ý nghĩa đối với người tiêu dùng/ người sử dụng sản phẩm, hoặc thông tin về sự phù hợp của sản phẩm với các quy chuẩn kỹ thuật bắt buộc;
- Trừ trường hợp vì lợi ích công cộng, nếu hàng hóa đã đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật bắt buộc liên quan thì không bắt buộc phải đăng ký hay xin phê duyệt nhãn hoặc dấu của hàng hóa đó trước khi lưu hành trên thị trường;
- Phải cho phép thực hiện gắn, bổ sung nhãn mác tại một địa điểm được chấp thuận trên lãnh thổ nước nhập khẩu (ví dụ kho ngoại quan tại cửa khẩu đến), tuy nhiên có thể yêu cầu giữ (không gỡ bỏ) nhãn cũ trên sản phẩm;
- Cho phép ghi thông tin bằng các ngôn ngữ bổ sung khác ngoài ngôn ngữ theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc bổ sung các thuật ngữ, chữ tượng hình, biểu tượng hoặc hình ảnh được chấp thuận quốc tế và các thông tin khác ngoài thông tin yêu cầu bởi nước nhập khẩu;
- Khuyến khích việc chấp thuận các loại dấu, nhãn mác không cố định, có thể tách/bóc ra khỏi hàng hóa hoặc các dạng nhãn mác đi kèm các tài liệu liên quan khác mà không gắn trực tiếp vào hàng hóa.

❖ Các cam kết về hải quan và thuận lợi hóa thương mại

EVFTA có một chương riêng về hải quan và tạo thuận lợi thương mại (chương 4) và một Nghị định thư (nghị định thư 2) về hợp tác hành chính giữa Việt Nam và EU trong lĩnh vực hải quan. Các cam kết đáng chú ý liên quan tới doanh nghiệp nằm ở chương 4, với phạm vi sâu hơn, cụ thể hơn so với nhiều FTA trước đây của Việt Nam (trừ CPTPP). Sau đây là một số cam kết đáng chú ý về hải quan và tạo thuận lợi hóa thương mại trong EVFTA:

Cam kết chung

Liên quan tới thủ tục xuất nhập khẩu và hải quan, EVFTA yêu cầu Việt Nam và EU bảo đảm nguyên tắc chung sau:

Quy tắc và thủ tục hải quan phải đảm bảo:

- Chỉ nhằm mục tiêu bảo vệ thương mại hợp pháp và chống các hành vi gian lận, bất hợp pháp hoặc gây thiệt hại
- Tránh tạo gánh nặng không cần thiết hoặc phân biệt đối xử giữa các chủ thể kinh doanh
- Tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho các chủ thể có mức độ tuân thủ cao
- Biện pháp xử lý vi phạm hải quan cần đảm bảo: (i) Tương đương với vi phạm; (ii) Không phân biệt đối xử và (iii) Không làm chậm trễ việc giải phóng hàng một cách bất hợp lý
- Bảo đảm rà soát các thủ tục, quy định để tăng tốc độ giải phóng và thông quan hàng
- Đơn giản hóa, tiêu chuẩn hóa dữ liệu và hồ sơ

Các yêu cầu chung về đơn giản hóa thủ tục hải quan:

- Phải quy định các biện pháp đơn giản hóa thủ tục hải quan minh bạch, hiệu quả để giảm chi phí và tăng tính dự đoán
- Chỉ sử dụng một văn bản hành chính (giấy hoặc điện tử) duy nhất đối với hàng hóa làm thủ tục hải quan
- Phải áp dụng các kỹ thuật hải quan hiện đại (đánh giá rủi ro, hậu kiểm)
- Nhanh chóng xây dựng và sử dụng các hệ thống trao đổi điện tử từ các dữ liệu giữa các doanh nghiệp, cơ quan hải quan và các cơ quan liên quan khác

Các cam kết về một số vấn đề cụ thể:

Xác định trước: Nếu doanh nghiệp có yêu cầu (bằng văn bản) về việc xác định trước về phân loại hàng hóa, thuế quan hoặc bất kỳ vấn đề nào trước khi hàng được nhập khẩu, Cơ quan hải quan của nước nhập khẩu phải trả lời (bằng văn bản) về yêu cầu của doanh nghiệp đó. Kết quả xác định trước này cũng phải được công bố công khai (tùy thuộc vào quy định về bảo mật của mỗi bên), ví dụ trên trang mạng chính thức.

Phương pháp quản lý rủi ro: Phương pháp quản lý thiết kế dựa trên mức độ rủi ro (chỉ tập trung kiểm soát hàng hóa có nguy cơ cao mà không phải kiểm soát toàn bộ các lô hàng) phải được áp dụng:

- Trong các thủ tục kiểm tra và giải phóng hàng, kiểm tra sau thông quan
- Liên quan tới tất cả các yêu cầu, thủ tục kiểm soát nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và chuyển tải hàng hóa

Không bắt buộc sử dụng đại lý hải quan: Không yêu cầu việc bắt buộc sử dụng đại lý hải quan tại các quy định và thủ tục hải quan, tuy nhiên phải áp dụng các nguyên tắc minh bạch, không phân biệt đối xử, hợp lý khi cấp phép cho đại lý hải quan.

Thủ tục khiếu nại:

- Đối tượng: các quyết định của Hải quan và cơ quan khác liên quan tới việc xuất nhập khẩu hoặc quá cảnh hàng hóa
- Yêu cầu: Thủ tục hiệu quả, nhanh, không phân biệt đối xử, dễ tiếp cận để bảo đảm quyền khiếu nại các quyết định này.

Tóm lại, EVFTA bao gồm nhiều cam kết liên quan đến thủ tục xuất nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa tại biên giới, trong đó có nhiều nội dung đã được quy định trong pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên các nội dung đáng chú ý nêu trên là các cam kết rất có lợi cho doanh nghiệp.

V. THÔNG TIN CHÍNH SÁCH, QUY ĐỊNH LIÊN QUAN CỦA EU

❖ Thủ tục hải quan

Thủ tục hải quan

Theo quy định, các hàng hóa bên ngoài EU khi được nhập khẩu phải khai báo hải quan. Thủ tục hải quan là thủ tục theo đó hàng hóa được trả ra khi hoàn tất khai báo nhập khẩu đi kèm với các chứng từ liên quan và nộp đầy đủ thuế và các nghĩa vụ hải quan khác cho cơ quan hải quan.



Các chứng từ cơ bản trong bộ hồ sơ hải quan:

Theo quy định của EU, khi thông quan hàng hoá, phải xuất trình cho cơ quan Hải quan tờ khai theo mẫu do Hải quan quy định. Những chứng từ cơ bản cho hàng hoá nhập khẩu vào các nước thành viên EU không phụ thuộc vào giá trị lô hàng hay loại hình vận chuyển. Thông thường đối với hàng nhập khẩu vào EU, yêu cầu phải có những chứng từ cơ bản sau:

- **Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice):** Cần ghi rõ chính xác thông tin của người nhập khẩu, người xuất khẩu, ngày xuất hóa đơn, số hóa đơn, miêu tả hàng hóa, điều kiện giao hàng và các chi tiết cần thiết nhằm xác định đúng tất cả giá hàng, cước phí và bảo hiểm.
- **Tờ khai hải quan (Single Administrative Document - SAD):** Tờ khai báo hải quan được đệ trình bằng tài liệu hành chính tiêu chuẩn dạng SAD (Single Administrative Document), đây là mẫu hồ sơ chung cho tất cả các Quốc gia thành viên EU theo Bộ luật Hải quan của Liên minh và Đạo luật được ủy quyền chuyển tiếp (Quy định EU 2016/341³ ngày 17/12/2015) trong khi môi trường hải quan điện tử được triển khai đồng bộ.
- **Vận đơn (Bill of Lading):** Cần có bản sao vận đơn (hoặc vận đơn hàng không) để làm thủ tục hải quan. Người nhận hàng thường cần có vận đơn gốc để thông quan nhập khẩu.
- **Giấy chứng nhận xuất xứ (Certificate of Origin – C/O):** Khi người nhập khẩu yêu cầu hoặc quy định bắt buộc đối với một số mặt hàng nhất định. Các hàng hoá được hưởng GSP phải có giấy chứng nhận xuất xứ mẫu A

³ <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX%3A02016R0341-20210315>

“C/O form A”. Đối với xuất khẩu hàng hóa theo EVFTA cần chứng nhận xuất xứ C/O EUR1.

- **Phiếu đóng gói (Packing list):** Là một chứng từ thương mại kèm theo hóa đơn thương mại và chứng từ vận tải, cung cấp thông tin về mặt hàng nhập khẩu và chi tiết đóng gói của từng lô hàng.
- **Giấy phép nhập khẩu (Import License):** Theo quy định của EU, giấy phép nhập khẩu là cần có đối với hầu hết các mặt hàng nông sản, thực phẩm, sắt, thép, nhôm, vũ khí, hóa chất, dược phẩm.
- **Giấy chứng nhận bảo hiểm hàng hóa (Insurance Certificate):** Chỉ phải xuất trình nếu thông tin về phí bảo hiểm không được thể hiện trong hóa đơn thương mại.
- **Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (Phytosanitary Certificate):** Khi các sản phẩm như trái cây tươi, rau quả và các nguyên liệu thực vật khác được xuất khẩu ngoài các nước EU, cần phải có giấy chứng nhận kiểm dịch. Giấy chứng nhận này xác nhận rằng sản phẩm rời khỏi nước xuất khẩu trong tình trạng khỏe mạnh. Cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu phải kiểm tra sản phẩm để đảm bảo rằng sản phẩm không có côn trùng và dịch bệnh.
- **Giấy chứng nhận vệ sinh (Sanitary Certificate):** Các nước thành viên EU yêu cầu phải có giấy chứng nhận vệ sinh đối với các mặt hàng có nguồn gốc từ sản phẩm động vật bất kể sản phẩm này có dùng cho người hay không. Giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp, đi kèm với các lô hàng xuất khẩu.
- Và một số chứng từ, tài liệu khác tùy thuộc vào loại hàng hóa nhập khẩu hoặc các ưu đãi được hưởng.

Thủ tục hải quan của EU

Khi hàng hóa đến cơ quan hải quan nhập cảnh vào EU, hàng hóa được đưa vào kho tạm giữ dưới sự giám sát của hải quan (không quá 90 ngày) cho đến khi được thực hiện một trong các thủ tục hải quan sau (hoặc tái xuất):

Phát hành thủ tục lưu thông tự do (Release for free circulation): Mục đích của việc phát hành thủ tục lưu thông tự do là hoàn thành tất cả các thủ tục nhập khẩu để hàng hóa có thể được bán trên thị trường Liên minh.

Hàng hóa được đưa đi tiêu thụ khi đã đáp ứng tất cả yêu cầu nhập khẩu:

- Tất cả loại thuế quan hiện hành và khoản phí khác đã được thanh toán.
- Đã xuất trình giấy phép nhập khẩu đối với hàng hóa theo hạn ngạch.
- Tất cả các giấy phép và giấy chứng nhận hiện hành (ví dụ: giấy chứng nhận thú y cho một số động vật hoặc sản phẩm động vật) đã được xuất trình.

Hàng hóa nhập khẩu được làm thủ tục khai báo hải quan. Ngày mà tờ khai này được cơ quan hải quan ở một nước EU chấp nhận cũng là ngày được tính thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt, nếu có.

Các thủ tục đặc biệt (Special procedures)

Hàng hóa có thể được đặt dưới bất kỳ hình thức xử lý nào sau đây:

- Quá cảnh trong Liên minh, bao gồm:
 - *Quá cảnh bên ngoài (External transit)*: hàng hóa không thuộc Liên minh có thể được chuyển từ điểm này đến điểm khác trong lãnh thổ hải quan của EU mà không phải chịu thuế nhập khẩu, các khoản phí khác liên quan đến việc nhập khẩu hàng hóa (tức là thuế nội địa) và các biện pháp chính sách thương mại. Chuyển hàng hóa sang một nước thành viên EU khác có nghĩa là thủ tục thông quan được chuyển đến cơ quan hải quan nơi đến.
 - *Quá cảnh nội bộ (Internal transit)*: hàng hóa của EU có thể được chuyển từ điểm này đến điểm khác trong lãnh thổ hải quan của EU mà không có bất kỳ thay đổi nào về tình trạng hải quan của chúng. Điều này bao gồm việc vận chuyển hàng hóa qua một lãnh thổ khác nằm ngoài lãnh thổ hải quan của EU.
- Kho lưu trữ, bao gồm kho hải quan và các khu tự do:
 - *Kho hải quan (Customs Warehouse)*: hàng hóa không thuộc Liên minh có thể được lưu trữ tại cơ sở hoặc bất kỳ địa điểm nào khác được cơ quan hải quan cho phép và chịu sự giám sát hải quan (kho hải quan) mà không phải chịu thuế nhập khẩu, các khoản phí khác liên quan đến việc nhập khẩu hàng hóa và thương mại các biện pháp chính sách.
 - *Các khu vực tự do (Free zones)*: các quốc gia Thành viên có thể chỉ định các phần lãnh thổ hải quan của Liên minh là các khu vực tự do. Đây là nơi hàng hóa có thể được giới thiệu miễn thuế nhập khẩu, các khoản phí khác (tức là thuế nội địa) và các biện pháp chính sách thương mại, cho đến khi chúng được giao một thủ

tục hải quan được chấp thuận khác hoặc được tái xuất. Hàng hóa cũng có thể trải qua các hoạt động đơn giản như xử lý và đóng gói lại.

- Sử dụng cụ thể bao gồm nhập khẩu tạm thời và sử dụng cuối cùng:

- *Nhập khẩu tạm thời*: hàng hóa không thuộc Liên minh có thể vào EU mà không phải trả thuế nhập khẩu, miễn là chúng được dùng để tái xuất mà không bị thay đổi. Thời hạn tạm nhập tối đa là hai năm.

- *Sử dụng cuối cùng*: hàng hóa có thể được lưu thông tự do theo hình thức miễn thuế hoặc giảm thuế tùy theo mục đích sử dụng cụ thể của chúng.

- Xử lý, bao gồm xử lý bên trong và bên ngoài:

- *Gia công nội địa*: hàng hóa có thể được nhập khẩu vào EU mà không phải chịu thuế, thuế và thủ tục, được xử lý dưới sự kiểm soát của hải quan và sau đó tái xuất. Nếu các thành phẩm cuối cùng không được xuất khẩu, chúng sẽ phải chịu các loại thuế và thủ tục hiện hành.

- *Gia công bên ngoài*: hàng hóa của Liên minh có thể được tạm xuất từ lãnh thổ hải quan của Liên minh cho mục đích gia công. Hàng hóa đã qua chế biến có thể được đưa ra lưu thông tự do với thuế nhập khẩu được giảm toàn bộ hoặc một phần.

❖ Tiêu chuẩn chất lượng

Các tiêu chuẩn của EU được xây dựng theo tiêu chuẩn của Ủy ban Kinh tế Liên hợp quốc về châu Âu (UNECE) và Tiêu chuẩn Codex (Codex Alimentarius). Các loại nông sản, thực phẩm, bao gồm cả hạt điều phải tuân thủ các tiêu chuẩn thị trường chung. Các sản phẩm phù hợp với các tiêu chuẩn của UNECE sẽ được coi là phù hợp với các tiêu chuẩn thị trường.



Các tiêu chuẩn thị trường bao gồm các quy định liên quan đến chất lượng tối thiểu, phân loại, kích cỡ, đóng gói và đánh dấu. Ngoài ra, chứng nhận hợp chuẩn được cấp bởi cơ quan kiểm nghiệm được công nhận chính thức cũng được yêu cầu.

Đối với các sản phẩm không được quy định trong tiêu chuẩn thị trường của EU thì tiêu chuẩn Liên hợp quốc sẽ được áp dụng. Nếu hàng hóa là sản phẩm hữu cơ thì phải tuân thủ các quy định của EU về sản phẩm hữu cơ.

Chất lượng của nhân hạt điều được xác định bởi tỷ lệ sản phẩm bị lỗi, theo số lượng hoặc trọng lượng, và kích thước, hình dạng và màu sắc của chúng. Ngành công nghiệp đã xác định một số tiêu chí chất lượng nhưng một số trong số đó, chẳng hạn như mùi vị và hương vị là chủ quan và không thể dễ dàng xác định dựa trên các đặc tính vật lý.

Các tiêu chí quan trọng nhất được sử dụng để xác định chất lượng của hạt điều như sau:

+ Phân loại: EU không có tiêu chuẩn chính thức về phân loại hạt điều. Tuy nhiên, phân loại UNECE được sử dụng rộng rãi trên thị trường. Trong cách phân loại này, hạt điều được chia thành ba loại chính: Extra Class, Class I và Class II, theo các khuyết tật cho phép và màu sắc của vỏ nhân.

+ Xếp hạng: EU chưa chính thức xác định các loại xếp hạng cho hạt điều. Xếp hạng được sử dụng thường xuyên nhất, cũng từ UNECE, tương ứng với các tiêu chuẩn hạt điều của Hoa Kỳ. Theo tiêu chuẩn của Hoa Kỳ, toàn bộ nhân được xếp hạng dựa trên số lượng hạt điều trong một pound (0,454 kg) hoặc trong một kg - ví dụ: 210 hạt trên một pound tương đương với 465 hạt trên một kg. Hạt vỡ được xếp hạng theo đường kính của miếng.

+ Kiểu dáng và màu da: Trên thực tế, chất lượng và giá cả thường được xác định dựa trên các đặc tính của hạt điều, từ đó kết hợp kiểu dáng (nguyên hạt, tách hoặc mảnh) với cấp và hình dáng của da. Da có thể trắng, hoặc bị cháy xém hoặc sẫm màu ở một mức độ nào đó trong quá trình chế biến.



❖ Quy định vệ sinh và an toàn thực phẩm

Tất cả các sản phẩm hạt điều lưu hành tại thị trường EU phải tuân theo các quy định pháp luật của EU về vệ sinh an toàn thực phẩm. An toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc là 2 yêu cầu được ưu tiên hàng đầu. Việc không tuân thủ có thể dẫn đến việc ngừng nhập khẩu tạm thời hoặc phải kiểm tra chặt chẽ hơn đối với nước xuất xứ.



Các quy định của EU về vệ sinh thực phẩm bao trùm tất cả các công đoạn sản xuất, chế biến, phân phối và đưa ra thị trường đối với tất cả thực phẩm dùng cho người.

EU có các quy định về vệ sinh và an toàn thực phẩm như sau:

- Quy định EC số 178/2002⁴ ban hành ngày 28 tháng 01 năm 2002, cập nhật năm 2021 - Luật thực phẩm chung đối với tất cả các giai đoạn sản xuất và phân phối. Luật thực phẩm chung châu Âu bao gồm các quy trình chung liên quan đến truy xuất nguồn gốc thực phẩm, các quy định liên quan đến vệ sinh và chất gây ô nhiễm trong thực phẩm.

- Quy định EC số 852/2004⁵ của Nghị viện và Hội đồng châu Âu ban hành ngày 29 tháng 04 năm 2004, cập nhật năm 2021 về vệ sinh thực phẩm không có nguồn gốc động vật.

Đối với các yêu cầu về vệ sinh và an toàn thực phẩm, doanh nghiệp kinh doanh thực phẩm ở nước thứ ba cần tôn trọng các quy tắc sau đây:

- Nghĩa vụ chung đối với người điều hành trong việc giám sát an toàn thực phẩm của sản phẩm và quy trình;
- Các điều khoản vệ sinh chung và các yêu cầu chi tiết;
- Yêu cầu vệ sinh đối với một số sản phẩm nhất định;
- Các quy trình dựa trên nguyên tắc HACCP⁶;
- Đăng ký cơ sở.

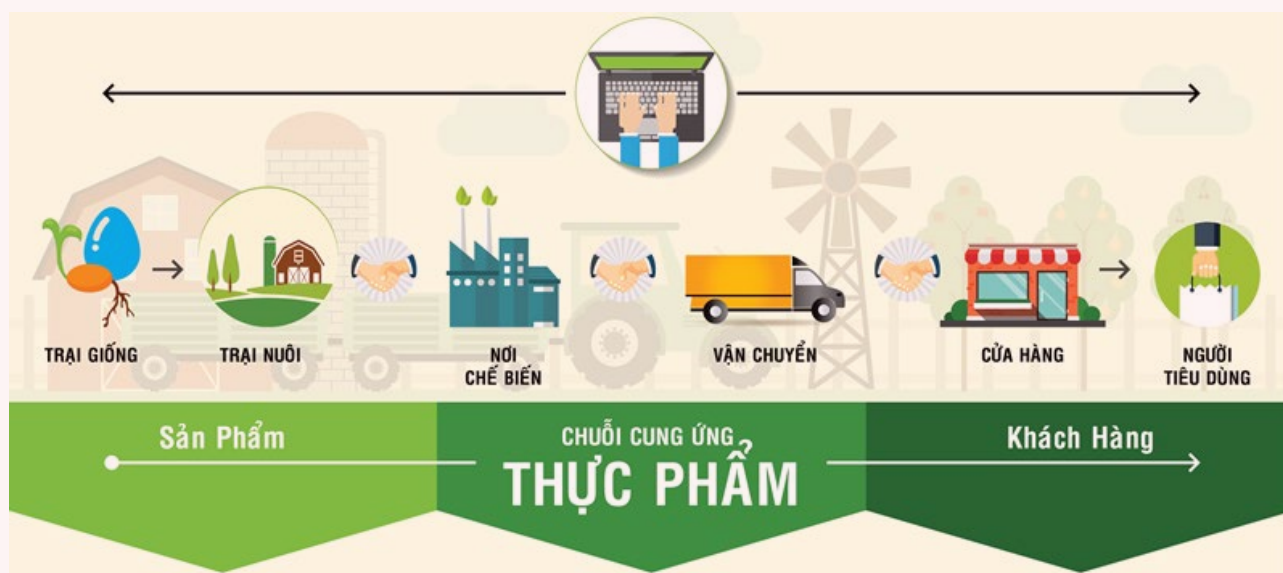
⁴ <http://data.europa.eu/eli/reg/2002/178/2021-05-26>

⁵ <https://eur-lex.europa.eu/eli/reg/2004/852>

⁶ HACCP (Hazard analysis and critical control points): những nguyên tắc được sử dụng trong việc thiết lập hệ thống quản lý an toàn thực phẩm

❖ Truy xuất nguồn gốc, tuân thủ và trách nhiệm trong thực phẩm

Các nhà kinh doanh thực phẩm phải có khả năng truy xuất nguồn gốc gạo thông qua tất cả các giai đoạn sản xuất, chế biến và phân phối. Nhà kinh doanh thực phẩm cần phải xác định được nhà cung cấp và người nhận hàng gần nhất theo Quy định EC số 178/2002.



❖ Kiểm soát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (MRL)

EU đã đặt ra mức dư lượng tối đa (MRLs) đối với thuốc trừ sâu có trong và trên các sản phẩm thực phẩm. Các sản phẩm chứa dư lượng thuốc trừ sâu cao hơn mức cho phép sẽ không được lưu hành trên thị trường. Tuy nhiên, khá hiếm khi gặp phải tình trạng dư lượng thuốc bảo vệ thực vật quá mức trong việc buôn bán hạt điều. Điều này là do lớp vỏ, trong đó các chất cặn bã có thể tích tụ, được loại bỏ trước khi các loại hạt được nhập khẩu vào châu Âu.

EU thường xuyên công bố danh sách thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở EU. Danh sách này được cập nhật thường xuyên. Vào năm 2020, EC đặt ra các giới hạn dư lượng thuốc trừ sâu đối với hạt điều như sau:

Bảng 8: Giới hạn dư lượng thuốc trừ sâu đối với hạt điều

Tên thuốc bảo vệ thực vật	Giới hạn tồn dư	Ngày áp dụng
Triasulfuron	0.01 ppm	18.05.2020
Prochloraz	0.01 ppm	04.09.2020

Cơ quan An toàn Thực phẩm châu Âu (EFSA) cũng đề xuất giảm MRLs đối với các loại thuốc trừ sâu có liên quan sau đây đối với hạt điều: glyphosate, spinetoram, pyridaben và fluopyram.

Một trong những thay đổi gần đây nhất được áp dụng vào năm 2020 là mức clorat, giới hạn ở mức 0,1 cho tất cả các loại hạt, bao gồm hạt điều. Quy định về mức độ clorat theo Quy định EU số 2020/749⁷ có hiệu lực vào tháng 06 năm 2020. Trong sản xuất hạt điều, clorat không phải là thuốc trừ sâu điển hình nhưng chúng có thể tiếp xúc với hạt điều thông qua việc sử dụng nước clo và chất tẩy rửa có clo.

Quy định EC số 396/2005⁸ ngày 23 tháng 02 năm 2005 cập nhật năm 2021 thiết lập mức dư lượng tối đa của thuốc bảo vệ thực vật trong các sản phẩm thực phẩm. Tất cả các sản phẩm thực phẩm sẽ bị trục xuất khỏi thị trường châu Âu nếu có chứa thuốc bảo vệ thực vật bất hợp pháp hoặc lượng thuốc bảo vệ thực vật tồn dư cao hơn so với giới hạn mà Quy định đặt ra.

Quy định (EU) số 2021/1110⁹, ngày 06 tháng 07 năm 2021 sửa đổi Phụ lục II và III của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng liên quan đến mức dư lượng tối đa đối với ametoctradin, bixafen, fenazaquin, spinetoram, tefluthrin và thiencarbazon-methyl trong/hoặc trên một số các sản phẩm thực phẩm, trong đó có hạt điều. Sửa đổi này sẽ áp dụng từ ngày 27 tháng 01 năm 2022.

Quy định EC số 2021/1807¹⁰, ngày 13 tháng 10 năm 2021 sửa đổi Quy định số 396/2005 của EU về dư lượng tối đa chất acibenzolar-S-methyl, aqueous chiết xuất từ hạt nảy mầm của cây *Lupinus albus* ngọt, azoxystrobin, clopyralid, cyflufenamid, fludioxonil, fluopyram, fosetyl, metazachlor, oxathiapiprolin, tebufenozide and thiabendazole ở một số sản phẩm thực phẩm, trong đó có hạt điều.

Quy định (EU) số 2021/1531¹¹, ngày 17 tháng 09 năm 2021 quy định các chất aclonifen, acrinathrin, *Bacillus pumilus* QST 2808, ethirimol, penthiopyrad, picloram và *Pseudomonas* sp. strain DSMZ 13134 có trong một số sản phẩm thực phẩm, trong đó có hạt điều.

⁷ <http://data.europa.eu/eli/reg/2020/749/oj>

⁸ <http://data.europa.eu/eli/reg/2005/396/2021-10-10>

⁹ <http://data.europa.eu/eli/reg/2021/1531/oj>

¹⁰ <http://data.europa.eu/eli/reg/2021/1807/oj>

¹¹ <http://data.europa.eu/eli/reg/2021/1531/oj>

❖ Kiểm soát chất gây ô nhiễm trong thực phẩm

Các chất gây ô nhiễm là những chất không được thêm vào thực phẩm một cách có chủ ý, nhưng có thể xuất hiện do các giai đoạn khác nhau trong quá trình sản xuất, đóng gói, vận chuyển hoặc lưu giữ. Để tránh tác động tiêu cực đến chất lượng thực phẩm và nguy cơ đối với sức khỏe con người, EU đã đặt ra giới hạn cho một số chất gây ô nhiễm.

Quy định EC số 1881/2006¹², ngày 19 tháng 12 năm 2006 cập nhật năm 2022 về thiết lập nồng độ tối đa cho các chất gây ô nhiễm nhất định trong thực phẩm để được phép nhập khẩu vào thị trường EU.

Các quy định về nồng độ độc tố, kim loại nặng, PCBs, PAH, 3-MCPD, melamine, erucic acid, và nitrates được xác định theo từng mặt hàng và mùa vụ.

Quy định EC số 315/93¹³, ngày 08 tháng 02 năm 1993 cập nhật năm 2009 đặt ra các thủ tục cộng đồng về chất gây ô nhiễm trong thực phẩm.

Độc tố nấm: Sự hiện diện của độc tố nấm mốc (đặc biệt là aflatoxin) là lý do chính tại sao các loại hạt có thể bị cấm trên thị trường châu Âu. Mức aflatoxin B1 trong hạt điều không được vượt quá 5µg/ kg và tổng aflatoxin hàm lượng (B1, B2, G1 và G2) không được vượt quá 10µg/ kg. Tuy nhiên, tỷ lệ aflatoxin thấp hơn trong hạt điều hơn các loại hạt khác, chẳng hạn như lạc. Aflatoxin không phải là một vấn đề trong sản xuất hạt điều. Lý do chính là vỏ của chúng có chứa cardol, chất này ức chế sự phát triển của aflatoxin.

Chất gây ô nhiễm vi sinh: Sự hiện diện của vi khuẩn salmonella và E. coli ở mức độ rất thấp trong thực phẩm ăn liền hoặc chế biến sẵn, bao gồm cả hạt điều, là một nguyên nhân quan trọng gây bệnh do thực phẩm. Các nhà chế biến hạt cây nên coi vi khuẩn salmonella và E. coli là những nguy cơ chính đối với sức khỏe cộng đồng trong các kế hoạch phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP) của họ. Đồng thời tuân theo Quy tắc thực hành vệ sinh đối với hạt của Tiêu chuẩn Codex. Đặc biệt, đối với hạt điều, điều quan trọng là phải kiểm soát độ ẩm trong quá trình bảo quản và vận chuyển (độ ẩm tương đối <65%) để tránh sản phẩm bị hư hỏng do nấm mốc và biến đổi enzym.

¹² <http://data.europa.eu/eli/reg/2006/1881/2022-01-01>

¹³ <http://data.europa.eu/eli/reg/1993/315/2009-08-07>

❖ Kiểm soát sức khỏe thực vật

Các loại cây trồng và thực vật có khả năng chứa sâu bệnh (ví dụ: trong gỗ, đất, củ quả,...) phải đạt chuẩn dựa theo các biện pháp bảo vệ của Quy định EU số 2019/2072¹⁴, ngày 28 tháng 11 năm 2019.

Quy định EU số 2016/2031¹⁵, ngày 26 tháng 10 năm 2016 cập nhật năm 2019 yêu cầu các phương pháp xử lý và đóng gói sản phẩm bằng gỗ (vỏ, hộp, thùng, pallet,...).

Đối với các nhà xuất khẩu, kiểm soát sức khỏe thực vật và xử lý thủy nhiệt trước khi xuất khẩu phải trở thành thông lệ tiêu chuẩn.

❖ Kiểm soát đối với thực phẩm biến đổi gen (GMO)

EU rất thận trọng đối với GMO; chỉ có một số giống biến đổi gen đã được cho phép đối với đậu nành, hạt cải dầu và ngô, được sử dụng chủ yếu trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi. Đối với mục đích tiêu dùng, hầu hết các doanh nghiệp thực phẩm chọn không bán thực phẩm biến đổi gen.

Quy định EC số 1829/2003¹⁶, ngày 22 tháng 09 năm 2003 cập nhật năm 2021 xác định rằng không được đưa ra thị trường các sản phẩm chứa GMO trừ khi được ủy quyền và tuân thủ các quy định về gắn nhãn.

Quy định EU số 503/2013¹⁷, ngày 03 tháng 04 năm 2013 của EU cung cấp một quy trình nộp đơn phê duyệt có hiệu lực trên toàn EU để các doanh nghiệp có thể đưa vào thị trường các sản phẩm GMO.

❖ Quy định đóng gói

EU không có quy định chung về kích thước bao bì cho hạt điều xuất khẩu, nhưng loại bao bì xuất khẩu phổ biến nhất là bao polybag từ 10 kg đến 25 kg. Để kéo dài thời hạn sử dụng, túi thường được hút chân không bằng cách hút không khí và bơm khí cacbonic và nitơ.

Hạt điều cũng được đóng gói trong hộp thiếc kín hơi. Được phép sử dụng giấy hoặc tem mang các thông số kỹ thuật thương mại, miễn là việc in hoặc dán nhãn được thực hiện bằng mực hoặc keo không độc hại. Bao bì thường được tạo thành hình khối để sử dụng hiệu quả không gian của pallet và container. Kích

¹⁴ <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX:02019R2072-20211216>

¹⁵ <http://data.europa.eu/eli/reg/2016/2031/2019-12-14>

¹⁶ <http://data.europa.eu/eli/reg/2003/1829/2021-03-27>

¹⁷ http://data.europa.eu/eli/reg_impl/2013/503/oj

thước có thể khác nhau nhưng tất cả đều tương thích với kích thước pallet và container tiêu chuẩn.

❖ Quy định ghi nhãn

Quy định EU số 1169/2011¹⁸ ngày 25 tháng 10 năm 2011 cập nhật ngày 01 tháng 01 năm 2018 đặt ra các quy tắc ghi nhãn chung, yêu cầu các thông tin bao gồm: tên sản phẩm, trọng lượng tịnh của sản phẩm đóng gói sẵn, ngày hết hạn, điều kiện bảo quản/sử dụng, tên doanh nghiệp, địa chỉ nhà sản xuất, đánh dấu lô của sản phẩm. Giá trị năng lượng, lượng chất béo, chất bão hòa, carbohydrate, đường, protein và muối cũng cần phải ghi trên bao bì.

Tên của sản phẩm phải xuất hiện trên nhãn và “nhân hạt điều” hoặc “hạt điều”. Các tên thương mại khác liên quan đến hình thức có thể được sử dụng ngoài “hạt điều nhân”. Thông thường việc ghi nhãn bao bì xuất khẩu cũng bao gồm cả niên vụ.

Thông tin về bao bì số lượng lớn phải được ghi rõ trên bao bì hoặc trong các tài liệu kèm theo. Ghi nhãn hàng loạt phải bao gồm các thông tin sau:

- Tên của sản phẩm;
- Số nhận dạng lô;
- Tên và địa chỉ của nhà sản xuất, nhà đóng gói, nhà phân phối hoặc nhà nhập khẩu;
- Hướng dẫn bảo quản - hướng dẫn bảo quản và vận chuyển rất quan trọng do hàm lượng dầu cao và nhạy cảm với mức độ ẩm cao, có thể ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng nếu không được xử lý đúng cách.

Số nhận dạng lô hàng, tên và địa chỉ của nhà sản xuất, nhà đóng gói, nhà phân phối hoặc nhà nhập khẩu có thể được thay thế bằng dấu hiệu nhận biết. Trong trường hợp đóng gói bán lẻ, việc ghi nhãn sản phẩm phải tuân theo Quy định của EU về việc cung cấp thông tin thực phẩm cho người tiêu dùng. Quy định này quy định các yêu cầu về ghi nhãn dinh dưỡng, ghi nhãn xuất xứ, ghi nhãn chất gây dị ứng và tính dễ đọc rõ ràng (cỡ chữ tối thiểu cho thông tin bắt buộc). Lưu ý rằng quy định này liệt kê hạt điều là một sản phẩm có thể gây dị ứng hoặc không dung nạp và do đó thông tin về chất gây dị ứng phải được hiển thị rõ ràng trên bao bì bán lẻ.

¹⁸ <http://data.europa.eu/eli/reg/2011/1169/2018-01-01>

❖ Quy định về sản phẩm hữu cơ

Để xuất khẩu sản phẩm hữu cơ, nhà sản xuất phải được chấp thuận cho canh tác hữu cơ. Thủ tục phê duyệt tùy thuộc vào việc nước xuất khẩu có được EC công nhận tương đương cấp tương đương hay không.

Công nhận tương đương được cấp sau khi EC đánh giá cơ quan quốc gia và chứng nhận quốc gia đối với các trang trại hữu cơ.

Tất cả các loại thực phẩm hữu cơ phải được thông báo trước khi đến biên giới của EU và chịu sự kiểm soát tại biên giới trước khi được phép nhập khẩu vào EU.



Ngày 15 tháng 07 năm 2021, EC đã ban hành Quy định thực thi mới số 2021/1165¹⁹ về việc ban hành danh mục các sản phẩm, các chất được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ, thay thế Quy định (EC) số 889/2008 về việc quy định chi tiết về sản xuất hữu cơ và dán nhãn các sản phẩm hữu cơ liên quan đến sản xuất, dán nhãn và kiểm soát hữu cơ. Quy định mới thiết lập danh mục chi tiết các loại sản phẩm và các chất được phép sử dụng trong sản xuất hữu cơ ở tất cả các công đoạn trong quá trình sản xuất hữu cơ đối với sản xuất trồng trọt, chăn nuôi thủy sản. Đối với trồng trọt, quy định danh mục các chất được phép sử dụng trong phân bón, xử lý đồng ruộng, dinh dưỡng, bảo vệ cây trồng. Trong chế biến, quy định danh mục các loại phụ gia thực phẩm, vệ sinh, khử trùng, các thành phần sản phẩm phi hữu cơ được sử dụng để chế biến, sản xuất thực phẩm hữu cơ. Quy định này cũng đưa ra quy định về thủ tục cấp phép cụ thể cho việc sử dụng các sản phẩm và các chất ở một số lĩnh vực sản xuất nông nghiệp hữu cơ nhất định của các nước thứ ba.

Quy định sẽ có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 và một phần có hiệu lực từ tháng 01/2024 liên quan đến các sản phẩm và chất được sử dụng trong quá trình khử trùng, vệ sinh đồng ruộng, ao nuôi chuồng trại.

¹⁹ http://data.europa.eu/eli/reg_impl/2021/1165/oj

VI. THỰC TIỄN NĂM ĐẦU THỰC THI HIỆP ĐỊNH EVFTA TRONG XUẤT KHẨU MẶT HÀNG SANG EU

Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, một năm kể từ khi EVFTA chính thức đi vào hiệu lực (từ tháng 8/2020 – tháng 7/2021), xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang thị trường EU đạt 113,4 nghìn tấn, trị giá 766,41 triệu USD, tăng 12,2% về lượng, nhưng giảm 3,3% về trị giá so với cùng giai đoạn trước EVFTA (từ tháng 8/2019 - tháng 7/2020).



Nguyên nhân chính khiến kim ngạch suy giảm là do giá xuất khẩu bình quân mặt hàng này lao dốc và duy trì ở mức thấp kể từ tháng 8/2020. Tuy nhiên lượng xuất khẩu điều vẫn duy trì được mức tăng cao được nhận định là kết quả quan trọng trong bối cảnh kinh tế, giao thương toàn cầu vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn và các diễn biến phức tạp, khó lường của đại dịch Covid-19.

Bảng 9: Xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sau 1 năm EVFTA có hiệu lực

ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD

Thị trường	7 tháng 2021		So với 7 tháng 2020 (%)		Tháng 8/2020-tháng 7/2021		So với tháng 8/2019-tháng 7/2020 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng	68.583	463.032	18,2	2,3	113.397	766.408	12,2	-3,3
Hà Lan	36.006	218.600	22,8	-4,7	60.234	378.373	16,3	-6,9
Đức	10.045	74.160	-4,1	-5,3	16.930	122.511	-5,9	-8,7
Pháp	4.239	34.465	31,4	23,1	7.377	58.201	30,6	17,2
Italia	4.021	23.179	-2,0	-9,5	7.099	39.053	7,8	-6,7
Bỉ	2.854	17.186	38,7	8,6	4.085	25.512	15,5	-5,6
Phần Lan	2.996	21.936	2.258,5	2.468,7	3.780	27.688	1.731,4	1.840,4
Tây Ban Nha	2.125	22.374	16,5	28,7	3.329	33.000	4,5	3,9
Ba Lan	2.179	17.742	192,6	110,0	3.258	26.116	138,8	61,8
Litva	1.374	10.203	-55,2	-55,2	2.824	19.703	-47,7	-50,0
Hy Lạp	1.045	9.801	33,9	38,3	1.681	15.130	41,3	44,4
Thụy Điển	429	2.964	-42,5	-52,1	735	5.276	-38,9	-44,9
Đan Mạch	218	1.518	-1,5	4,6	431	2.811	-8,2	-6,2
Estonia	178	1.296	1,9	28,6	321	2.174	1,3	0,1
Bungari	222	2.472	-30,4	2,8	317	3.139	-33,5	-11,7
Látvia	128	904	-63,5	-74,9	250	1.697	-66,7	-77,4

Rumani	181	1.103	74,8	73,9	221	1.324	-27,5	-30,1
Hunggary	64	879	100,0	-10,7	143	1.784	125,1	1,3
Slovenia	54	453	-43,8	-45,5	111	824	-61,1	-67,3
Bồ Đào Nha	91	751	6,4	9,4	107	839	25,0	-16,8
Séc	90	765	-18,7	-1,0	90	767	-18,7	-0,7
Síp	15	100			44	307		
Ai Len	30	180	-34,7	-38,6	30	180	-58,3	-62,9

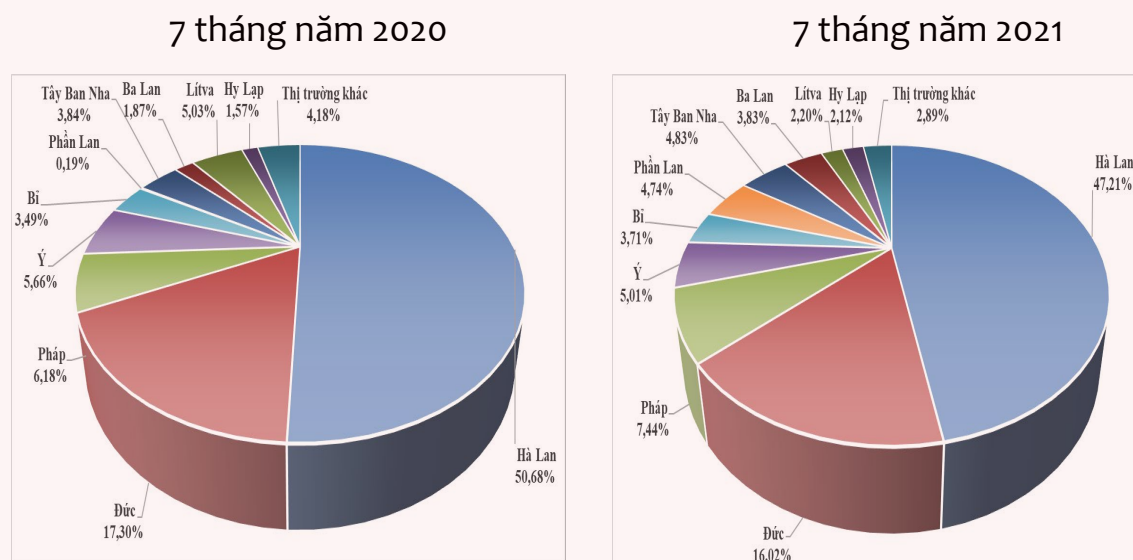
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Hà Lan và Đức vẫn là hai thị trường xuất khẩu chính mặt hàng điều của Việt Nam kể từ sau EVFTA có hiệu lực. Theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang thị trường Hà Lan sau một năm thực thi EVFTA đạt 62,2 nghìn tấn, trị giá 378,37 triệu USD, tăng 16,3% về lượng, nhưng giảm 6,9% về trị giá so với thời điểm trước EVFTA. Tương tự như Hà Lan, thị trường Đức cũng đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động xuất khẩu hạt điều của Việt Nam vào EU. Xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang thị trường Đức sau một năm thực thi EVFTA đạt xấp xỉ 17 nghìn tấn, trị giá 122,51 triệu USD, giảm 5,9% về lượng và giảm 8,7% về trị giá so với cùng giai đoạn trước đó.

Trong bối cảnh xuất khẩu hạt điều sang hai thị trường trọng điểm chững lại, xuất khẩu điều Việt Nam lại chứng kiến sự chuyển dịch khá thành công khi tăng mạnh xuất khẩu vào các thị trường thành viên EU khác. Pháp, Tây Ban Nha, Ba Lan đều ghi nhận mức tăng trưởng rất cao cả về lượng và giá trị. Đáng chú ý nhất là xuất khẩu sang thị trường Phần Lan khi đạt tăng trưởng đặc biệt ấn tượng kể từ khi EVFTA có hiệu lực, với mức tăng 1.731,4% về lượng và tăng 1.840,4% về trị giá so với trước EVFTA, đạt 3,78 nghìn tấn, trị giá 27,69 triệu USD.

Rõ ràng là ngoài việc tập trung xuất khẩu vào những thị trường cửa ngõ như Hà Lan, Pháp, Tây Ban Nha, Italia, với lợi thế từ EVFTA các doanh nghiệp Việt Nam đã bước đầu khai thác khá tốt các thị trường ngách EU điển hình như Phần Lan, Ba Lan. Mặc dù vậy, lượng hạt điều xuất khẩu sang các thị trường có mức tăng trưởng cao vẫn ở mức khiêm tốn.

Biểu đồ 12: Cơ cấu thị trường xuất khẩu hạt điều EU trong 7 tháng 2021
(% tỷ trọng tính theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Khó khăn, vướng mắc

Dù EVFTA tạo điều kiện thuận lợi để Việt Nam xuất khẩu các sản phẩm hạt điều sang EU thông qua việc dỡ bỏ rào cản thuế quan, tuy nhiên để được hưởng ưu đãi về thuế suất, sản phẩm điều của Việt Nam phải đáp ứng được quy tắc xuất xứ. Trong khi đó ngành điều Việt Nam hiện nay vẫn còn phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu, chủ yếu từ Bờ Biển Ngà, Ghana, Nigeria, chiếm 63% nhu cầu chế biến. Hiện nay, EU có quy định tương đối chặt chẽ về nguồn gốc xuất xứ với hạt điều khi xem công đoạn gia công, bóc vỏ hạt điều là chế biến giản đơn. Do đó, muốn xuất khẩu được hưởng lợi về thuế quan, ngành điều nhân của Việt Nam phải chế biến từ nguồn điều nguyên liệu sản xuất trong nước.

Kể cả với lợi thế từ EVFTA, hiện nay các mặt hàng nông sản, trong đó có hạt điều vẫn gặp khó trong việc tiếp cận thị trường EU do chưa hoàn toàn đáp ứng các yêu cầu cao của EU đặt ra từ các quy định SPS, TBT, tiêu chuẩn kỹ thuật, truy xuất nguồn gốc, đến các vấn đề môi trường, xã hội, phát triển bền vững... Các quy định của EU cũng liên tục được rà soát, điều chỉnh thường xuyên khiến các doanh nghiệp trong nhiều trường hợp không kịp nắm bắt, thích ứng. Trong khi đó, EU đang có xu hướng gia tăng áp dụng các biện pháp phi thuế quan, công cụ phòng vệ thương mại và hàng rào bảo hộ mới. Xu hướng củng cố chuỗi cung ứng

trong nội khối EU cũng tạo ra sức ép cạnh tranh về thương mại và đầu tư đáng kể cho các doanh nghiệp Việt Nam.

Trong khi đó, về bản thân các doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Việt Nam năng lực cạnh tranh và khả năng tham gia thương mại quốc tế còn hạn chế, đồng thời chưa thực sự chú trọng xây dựng chiến lược kinh doanh bài bản, bền vững, từ đó ảnh hưởng đến việc tận dụng các cơ hội mà Hiệp định mang lại. Một thực trạng nữa là nhiều doanh nghiệp chưa thực sự chủ động tìm hiểu về thị trường và các ưu đãi FTA. Theo khảo sát gần đây của VCCI, có tới 45% doanh nghiệp xuất nhập khẩu chưa biết đến cam kết thuế quan liên quan đến ngành hàng của mình.

Ngoài ra, tình hình dịch bệnh với diễn biến phức tạp, kéo dài ảnh hưởng nghiêm trọng đến giao thương, đứt gãy chuỗi cung ứng hàng hóa, làm suy giảm nghiêm trọng nguồn lực của doanh nghiệp, ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm cả các khâu đổi mới công nghệ, cải thiện chất lượng sản phẩm, năng suất lao động. Ngoài ra, khó khăn trong hoạt động logistics như khó thuê container, giá cước vận tải tăng cao kỷ lục sẽ làm ảnh hưởng đến xuất khẩu hàng hóa nói chung và xuất khẩu hạt điều của Việt Nam nói riêng sang thị trường EU.

Cơ hội, triển vọng từ EVFTA

Với lợi thế cạnh tranh lớn trong sản xuất, EVFTA sẽ là cơ hội để gia tăng giá trị xuất khẩu và phát triển thị phần điều tại EU; đồng thời cũng tạo sức ép để ngành điều nâng cao năng lực sản xuất nội tại, sức cạnh tranh, chinh phục thành công các thị trường cao cấp.

Đồng thời, EVFTA cũng thúc đẩy mạnh mẽ thu hút đầu tư trực tiếp từ EU và chuyển giao công nghệ, đặc biệt là công nghệ chế biến sâu, góp phần nâng cao giá trị gia tăng và chất lượng nông sản nói chung, hạt điều nói riêng của Việt Nam, đáp ứng các quy định, tiêu chuẩn chất lượng quốc tế. Hiện nay các doanh nghiệp châu Âu đang có xu hướng liên kết xây dựng chuỗi sản xuất với các doanh nghiệp địa phương đầu tư vào các lĩnh vực chế biến thực phẩm, nông nghiệp công nghệ cao. Điều này đồng nghĩa với việc doanh nghiệp Việt Nam đứng trước nhiều cơ hội hợp tác với các đối tác châu Âu để tham gia sâu vào chuỗi giá trị.



VII. DOANH NGHIỆP CẦN LÀM GÌ ĐỂ TẬN DỤNG EVFTA XUẤT KHẨU MẶT HÀNG SANG EU

- Doanh nghiệp cần chủ động tìm hiểu thông tin thị trường, các quy định, chính sách của EU cùng các cam kết liên quan trong Hiệp định EVFTA để có thể tận dụng hiệu quả các ưu đãi khi xuất khẩu sang EU.

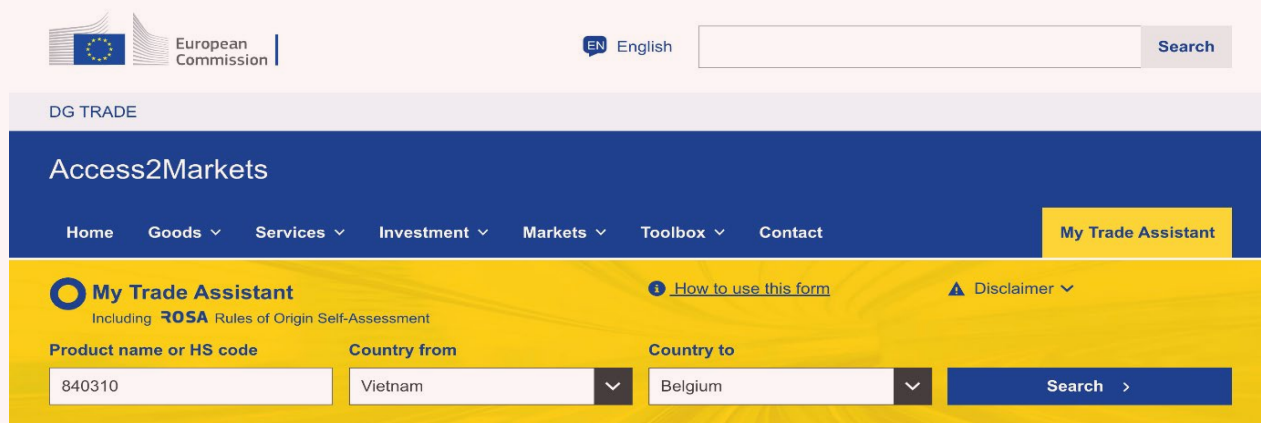
Hướng dẫn sử dụng các kênh thông tin hữu ích phục vụ nghiên cứu thị trường

1. Hệ thống dữ liệu Access2Markets

Hệ thống dữ liệu về Tiếp cận thị trường của EU - Access2Markets

<https://trade.ec.europa.eu/access-to-markets/en/home>

Hệ thống Access2Markets do EC xây dựng nhằm hỗ trợ các hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp châu Âu cũng như các doanh nghiệp đối tác xuất nhập khẩu của châu Âu. Với các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam, Access2Markets của EU có thể giúp tìm hiểu các số liệu về xuất nhập khẩu của EU đối với một mặt hàng cụ thể với một đối tác cụ thể. Đồng thời, công cụ này cũng cung cấp thông tin về thuế quan, hàng rào kỹ thuật, thủ tục hải quan, quy tắc xuất xứ đối với hàng hóa nhập khẩu vào EU...



European Commission

EN English

Search

DG TRADE

Access2Markets

Home Goods Services Investment Markets Toolbox Contact My Trade Assistant

My Trade Assistant
Including ROSA Rules of Origin Self-Assessment

[How to use this form](#) [Disclaimer](#)

Product name or HS code: 840310

Country from: Vietnam

Country to: Belgium

Search

Cổng thông tin này được hiển thị với 24 ngôn ngữ chính thức của EU và có các nội dung:

- Hướng dẫn cụ thể từng bước về xuất/nhập khẩu tới EU;
- Thông tin về quy định và tiêu chuẩn kỹ thuật cần thiết liên quan tới hàng hóa nhập khẩu vào thị trường EU;
- Hướng dẫn chi tiết về quy tắc xuất xứ;
- Công cụ hỗ trợ doanh nghiệp xác định xuất xứ sản phẩm của mình;
- Giải thích các thuật ngữ thương mại;
- Thông tin về lộ trình cắt giảm thuế quan trong hiệp định thương mại;
- Đồ thị thống kê dòng chảy thương mại.

Hướng dẫn sử dụng:

Hệ thống tra cứu này không yêu cầu đăng nhập. Doanh nghiệp có thể trực tiếp truy cập vào website và tra cứu các thông tin cần thiết.

Hệ thống này bao gồm rất nhiều thông tin, doanh nghiệp truy cập và link <https://trade.ec.europa.eu/access-to-markets/en/content/welcome-access2markets-market-access-database-users> và làm theo các hướng dẫn trên đó để tìm thông tin cần biết liên quan đến Hàng hóa, Dịch vụ, Đầu tư và Thị trường.

Doanh nghiệp nhập các thông tin vào ô tương ứng để tìm kiếm các thông tin liên quan.

European Commission

EN English

Search

DG TRADE

Access2Markets

Home Goods Services Investment Markets Toolbox Contact My Trade Assistant

My Trade Assistant
Including ROSA Rules of Origin Self-Assessment

Đất nước xuất xứ: Vietnam

Đất nước nhập khẩu: Belgium

Product name or HS code: 840310 Mã HS

Search

Sau khi tìm kiếm thành công, các thông tin về thuế nhập khẩu, quy tắc xuất xứ, thuế, quy định & tiêu chuẩn kỹ thuật về hàng hóa, tiềm năng thị trường sẽ được cung cấp.

Import to EU

Results for product code 8403.10.10 from Vietnam to Belgium

Thông tin thuế nhập khẩu
(tariff), điều kiện và quy định của EU đi kèm

Tariffs
latest update: 26 October 2021

Các thông tin khác:

- Quy tắc xuất xứ
- Thuế quan
- Quy định và yêu cầu nhập khẩu liên quan tới hàng hoá
- Số liệu thương mại của hàng hoá
- Cách đọc các kết quả

Origin/ Measure type	Tariff	Conditions	Footnote	EU law
ERGA OMNES Third country duty	2.70%			R2261/98
ERGA OMNES Suspension - goods for certain categories of ships, boats and other vessels and for drilling or production platforms	0%	Show	EU003 TM510	R2658/87
GSP - General arrangements Tariff preference	0%			R0878/12
Viet Nam Tariff preference	0%			D0753/20

Để tra cứu số liệu về xuất nhập khẩu về hàng hóa giữa EU (không bao gồm Anh) và các đối tác, doanh nghiệp lựa chọn menu Goods (Hàng hóa) ở thanh menu trái và truy cập vào trang EU trade statistics (excluding United Kingdom):

<https://trade.ec.europa.eu/access-to-markets/en/statistics>

2. Công cụ TradeMap – Bản đồ Thương mại của ITC


Công cụ TradeMap - Bản đồ Thương mại của ITC

<https://www.trademap.org/>

Công cụ tra cứu Trade Map được ITC xây dựng nhằm giúp các doanh nghiệp tìm hiểu và nghiên cứu thông tin thương mại về các sản phẩm và thị trường chiến lược.

Trang chủ của công cụ Trade Map

Trade Map cung cấp số liệu về xuất nhập khẩu và thuế quan của từng sản phẩm của từng quốc gia với từng đối tác. Thông qua Trade Map, người dùng có thể tìm hiểu được thế mạnh xuất khẩu/nhu cầu nhập khẩu của từng đối tác thương mại và các đối thủ cạnh tranh hiện tại. Trade Map cung cấp số liệu theo từng năm, theo từng mã HS ở cấp 2, 4, hoặc 6 số, theo giá trị hoặc tỷ lệ phần trăm... Người dùng có thể trích xuất thông tin dưới dạng bảng, biểu đồ hoặc bản đồ và lọc các dữ liệu cần trích xuất theo hàng hóa, quốc gia, nhóm sản phẩm hoặc nhóm quốc gia...



The screenshot shows the Trade Map website interface. At the top, there is a navigation bar with links: Home & Search, Data Availability, Reference Material, Other ITC Tools, and More. There is also a Login button and a language dropdown set to English. Below the navigation bar, a brief description of Trade Map is provided. The main search area includes two tabs: Imports and Exports. Under the Imports tab, there are two search options: Service/Product and Country/Region. Each option has a radio button to select between Single and Group. There are also input fields for keywords or product codes, and country/territory or region names, with an Advanced search link and an information icon.

Trade Map là công cụ miễn phí và rất hữu hiệu đặc biệt cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ khi muốn tìm hiểu một thị trường xuất khẩu/nhập khẩu tiềm năng, đánh giá các đối thủ cạnh tranh hiện tại, để từ đó xây dựng các chiến lược xuất nhập khẩu cho doanh nghiệp mình.

Hướng dẫn sử dụng

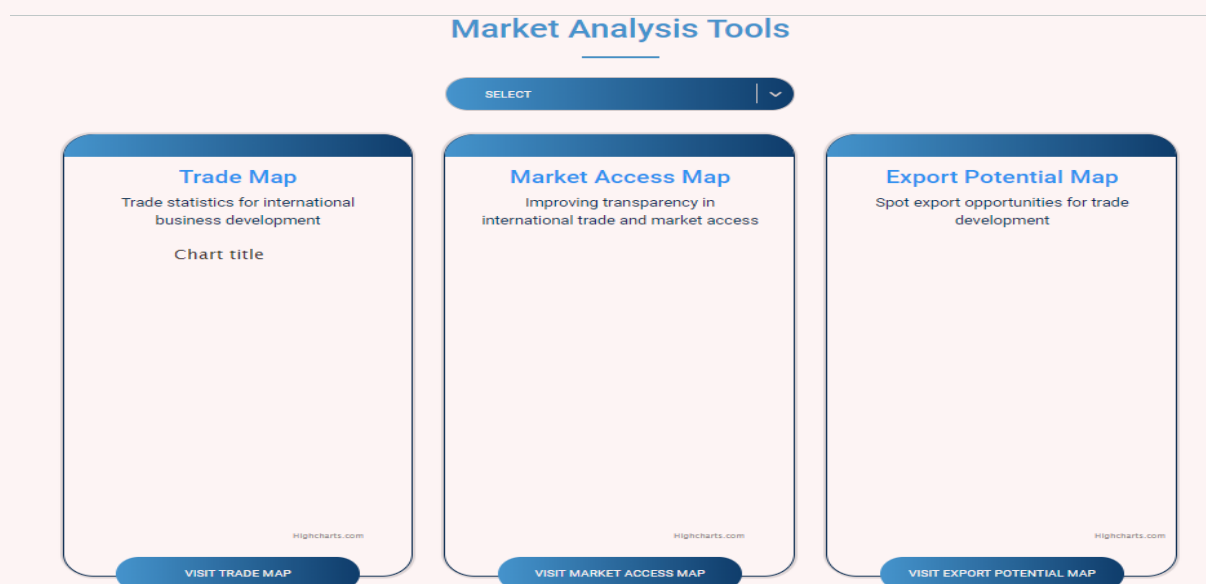
Tạo tài khoản: Để sử dụng Trade Map, người dùng chỉ cần đăng ký 1 tài khoản bằng email trên trang web của ITC sau đó có thể đăng nhập và sử dụng tất

cả các công cụ nghiên cứu thị trường của ITC, trong đó có Trade Map (Bản đồ Thương mại).

Thông tin chi tiết về các công cụ trên có thể truy cập tại:


<https://marketanalysis.intracen.org>

Các công cụ nghiên cứu thị trường của ITC



Đăng ký tài khoản sử dụng TradeMap và các công cụ trên tại:

<https://mas-admintools.intracen.org/accounts/Registration.aspx>



MARKET ANALYSIS TOOLS ACCOUNT

Registration to the ITC Market Analysis Tools:

The [International Trade Centre](#) has developed four [Market Analysis Tools](#) : Trade Map, Market Access Map, Investment Map and Standards Map to enhance the transparency of global trade and market access and to help users in their market analyses.

- Users from [developing countries](#) have full access to the tools **free of charge**.
- Users from [developed countries](#) have **restricted access** to the tools **free of charge**. Users wishing to access the full versions of the tools can consult the [subscription option and fees](#).
- Thanks to the support of the European Union, ITC provides **free access** to **European Union users** to our Market Analysis Tools until 31 December 2022.

Please enter your email address: ■
An activation email will be sent to this address
It will be used to login to the ITC Market Analysis Tools

Confirm your email address: ■

[Continue registration >](#)

Market Analysis Tools:

- Trade Map**
an online tool with monthly, quarterly and yearly international trade data combined with statistical indicators and information on trading companies which helps you prioritize export or import markets.
- Investment Map**
an online tool that provides the sector breakdown of foreign direct investment (FDI), trade, market access and foreign affiliates information to support strategies of investment attraction and targeting.
- Market Access Map**
a free analytical portal that allows users to Access, Compare, Analyse and Download customs tariffs, tariff-rate quotas, trade remedies and non-tariff measures applicable to a specific good in any market in the world. The web-application is interactive, simple and easy to use.
- Market Price Information**
an online tool to track most recent market price information from multiple sources and geographic areas. It provides daily or weekly prices and market news for more than 300 agricultural products.
- Sustainability Map**
an online tool to analyse and compare voluntary standards promoting sustainable development applied to the production and trade of goods and services.

Hướng dẫn tra cứu:

Bước 1: Lựa chọn sản phẩm và nước

Sau khi đăng nhập, người dùng vào trang chủ của Trademap và lựa chọn số liệu cần tìm là Imports (Nhập khẩu) hay Export (Xuất khẩu), loại sản phẩm là Service (Dịch vụ) hay Product (Hàng hóa). Sau đó lựa chọn loại sản phẩm trong ô trống đầu tiên, nước quan tâm trong ô trống thứ hai, và đối tác thương mại của nước đó trong ô trống thứ ba.



The screenshot shows the ITC Trade Map website. The header includes the ITC logo and the text "TRADE MAP Trade statistics for international business development". Below the header is a navigation bar with links: Home & Search, Data Availability, Reference Material, Other ITC Tools, and More. There is also a Login button and a language dropdown set to English. The main content area describes the website's purpose and provides search filters. The filters include:

- Imports/Exports toggle (Imports is selected).
- Service/Product toggle (Product is selected).
- Single/Group radio buttons (Single is selected).
- A search input field with the placeholder "Please enter a keyword or a product code".
- Country/Region radio buttons (Country is selected).
- A search input field with the placeholder "Please enter a country/territory or region name".
- An "Advanced search" link.

Bước 2: Lựa chọn loại thông tin tra cứu

Sau khi hoàn thành lựa chọn sản phẩm, nước quan tâm và đối tác, người dùng sẽ chọn loại thông tin tìm kiếm theo chỉ số thương mại (Trade Indicators) hay theo thời gian (Yearly Time Series),...

Bước 3: Tùy chỉnh loại thông tin và hình thức thể hiện theo nhu cầu

Khi bảng thông tin hiện ra theo các lựa chọn ở Bước 1 và 2, người dùng có thể tiếp tục thay đổi các lựa chọn theo nhu cầu nghiên cứu.

3. Cổng Thông tin điện tử về FTA (FTAP)

Cổng Thông tin điện tử về FTA (FTAP)

<https://fta.moit.gov.vn/>

Để giúp cộng đồng doanh nghiệp và người dân Việt Nam tận dụng hiệu quả các Hiệp định Thương mại tự do (FTA), đặc biệt là các FTA thế hệ mới như EVFTA, Bộ Công Thương đã phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng và khai trương Cổng Thông tin điện tử về FTA (FTAP) vào năm 2020.

FTAP cung cấp công cụ tra cứu trực tuyến thông minh cho cộng đồng doanh nghiệp và các đối tượng quan tâm đối với cam kết của các FTA mà Việt

Nam tham gia như Hiệp định EVFTA, tập trung vào các cam kết thuế quan, quy tắc xuất xứ, dịch vụ và đầu tư, cũng như các thông tin khác như tình hình thị trường, các quy định về xuất nhập khẩu, phát triển bền vững v.v.

- Ngoài việc tuân thủ các quy định & quy chuẩn bắt buộc của EU, doanh nghiệp còn cần đáp ứng các yêu cầu riêng của các nhà nhập khẩu, cùng những tiêu chuẩn, chứng nhận quốc tế cần thiết.

Yêu cầu bổ sung về an toàn thực phẩm

An toàn thực phẩm là ưu tiên hàng đầu trong tất cả các lĩnh vực thực phẩm của EU, nên hầu hết người mua đều yêu cầu các hình thức chứng nhận bảo đảm.

Phần lớn người mua châu Âu sẽ yêu cầu chứng nhận được công nhận bởi Sáng kiến An toàn Thực phẩm Toàn cầu (GFSI). Đối với hạt điều, các chương trình chứng nhận phổ biến nhất, tất cả đều được GFSI công nhận, là:

- Tiêu chuẩn Thực phẩm quốc tế (IFS)
- Tiêu chuẩn An toàn thực phẩm của Hiệp hội Bán lẻ Anh (BRC)
- Chứng nhận Hệ thống An toàn thực phẩm (FSSC 22000)



Lưu ý rằng danh sách này không đầy đủ và các hệ thống chứng nhận thực phẩm liên tục được phát triển. Phần lớn các chương trình chứng nhận an toàn thực phẩm dựa trên các tiêu chuẩn ISO hiện có như ISO 22000.

Mặc dù các hệ thống chứng nhận an toàn thực phẩm khác nhau dựa trên các nguyên tắc tương tự, một số người mua có thể yêu cầu một hệ thống quản lý cụ thể. Ví dụ, người mua ở Anh thường yêu cầu BRC, trong khi IFS phổ biến hơn đối với các nhà bán lẻ Đức. Cũng cần lưu ý rằng chứng nhận an toàn thực phẩm chỉ là cơ sở để bắt đầu xuất khẩu sang châu Âu.

Việc thực hiện Hệ thống Quản lý chất lượng (QMS) cũng cần được quan tâm. Hệ thống này dựa trên Phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn.

Yêu cầu bổ sung về bền vững

Trách nhiệm doanh nghiệp và sự phát triển bền vững ngày càng được EU quan tâm. Việc áp dụng các quy tắc ứng xử hoặc chính sách phát triển bền vững liên quan đến các tác động môi trường và xã hội sẽ mang lại lợi thế cạnh tranh cho các doanh nghiệp.

Các tiêu chuẩn chứng nhận thường là một phần của chiến lược phát triển bền vững của các doanh nghiệp.

Các sản phẩm được chứng nhận thương mại công bằng cũng đang phát triển ở EU. Tiêu chuẩn thương mại công bằng phổ biến nhất là Fairtrade. Muốn sản phẩm được chứng nhận thương mại công bằng, cơ sở chứng nhận được công nhận phải kiểm tra các cơ sở trồng trọt và chế biến. Các cơ sở chứng nhận được công nhận bao gồm Control Union, Ecocert, FloCERT, ProCert và SGS.

Để cải thiện sản xuất bền vững và nguồn cung ứng hạt điều, một nhóm các công ty và tổ chức chủ yếu ở châu Âu đã thành lập Sáng kiến Hạt điều bền vững²⁰ vào năm 2015. Mục tiêu chính của sáng kiến này là cải thiện hoàn cảnh ở các nước sản xuất hạt điều và hướng tới nguồn cung bền vững dây chuyền.

Chứng nhận tuân thủ xã hội

Cũng giống như chứng nhận an toàn thực phẩm, chứng nhận tuân thủ xã hội chủ yếu liên quan đến các cơ sở chế biến. Các chứng chỉ này liên quan đến quyền, sức khỏe và thu nhập của những người làm việc trong cơ sở sản xuất và cả trong chuỗi cung ứng rộng lớn hơn.

²⁰ <https://www.sustainablenutinitiative.com/>

Ở châu Âu, các chương trình công nhận tuân thủ xã hội của bên thứ ba được chấp nhận rộng rãi nhất là Tiêu chuẩn SA8000 về Trách nhiệm xã hội (SAI) và Sáng kiến Tuân thủ xã hội của doanh nghiệp (BSCI).

Yêu cầu của thị trường ngách

Hạt điều hữu cơ

Để tiếp thị hạt điều hữu cơ ở EU, chúng phải được trồng bằng các phương pháp sản xuất hữu cơ theo luật pháp châu Âu về mặt này. Các cơ sở trồng trọt và chế biến phải được đánh giá bởi một cơ quan chứng nhận được công nhận trước khi được phép sử dụng biểu tượng hữu cơ của EU trên các sản phẩm của mình, cũng như biểu tượng của đơn vị sở hữu tiêu chuẩn (ví dụ: Naturland ở Đức).

Chứng nhận dân tộc

Luật ăn kiêng của người Hồi giáo (Halal) và luật ăn kiêng của người Do Thái (Kosher) áp đặt giới hạn chế độ ăn uống cụ thể. Nếu muốn tập trung vào các thị trường ngách của người Do Thái hoặc dân tộc Hồi giáo, nên cân nhắc triển khai các chương trình chứng nhận Halal hoặc Kosher.

➤ Các khuyến nghị để nâng cao năng lực cạnh tranh

Kiểm soát chặt chẽ toàn bộ quy trình sản xuất, đảm bảo truy xuất nguồn gốc, chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm đáp ứng các yêu cầu của thị trường EU. Quy hoạch, xây dựng vùng trồng tập trung, an toàn, bền vững theo tiêu chuẩn nhằm tạo nguồn cung nguyên liệu ổn định về số lượng, đồng đều về chất lượng.

Tăng cường áp dụng khoa học công nghệ, phát triển các hệ thống sản xuất/chế biến sâu, từ đó tối ưu hóa quá trình sản xuất để nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng cho sản phẩm, tiến dần tới các tiêu chuẩn quốc tế và tạo lợi thế cạnh tranh.

Đẩy mạnh liên kết chuỗi từ sản xuất/chế biến đến xuất khẩu; đồng thời, có thể tìm kiếm hợp tác với các đối tác đầu tư nước ngoài để tận dụng nguồn vốn và công nghệ của các nước phát triển tiên tiến. Chuỗi sẽ có liên kết mạnh mẽ hơn giữa doanh nghiệp và nông dân thông qua hợp tác xã và tổ hợp tác để sản xuất hướng tới xuất khẩu theo quy mô lớn, sản xuất theo tiêu chuẩn.

Lựa chọn phân khúc thị trường và kênh phân phối phù hợp với sản phẩm và qui mô của doanh nghiệp; chú trọng tìm hiểu thị hiếu, đặc trưng thị trường. Ví dụ, nếu sản phẩm đã có thương hiệu nên tiếp cận phân khúc thị trường bán lẻ

chuyên ngành sẽ được giá cao hơn nhưng đòi hỏi chất lượng sản phẩm ổn định thay vì bán sản phẩm cho các nhà bán lẻ đã có thương hiệu sau đó họ sẽ đóng gói dưới thương hiệu của họ, hoặc bán sản phẩm thô. Hà Lan được coi là “cửa ngõ” để vào thị trường EU đối với các mặt hàng hạt điều. Vì vậy, để xuất khẩu vào EU cần có kế hoạch nghiên cứu và tiếp cận các nhà nhập khẩu, các kênh phân phối và hệ thống bán lẻ tại đây, qua đó có thể thâm nhập EU.

Gia tăng sản phẩm trên các thị trường ngách; tiếp cận thêm các thị trường mới thông qua các chuỗi siêu thị và các cửa hàng bán lẻ ở các quốc gia mục tiêu khác nhau tại châu Âu.

Đầu tư phát triển các dòng sản phẩm hữu cơ cũng là một hướng đi triển vọng do ngày càng nhiều người tiêu dùng châu Âu có xu hướng chuộng sử dụng hàng hóa có nguồn gốc tự nhiên, thân thiện với môi trường.

Cải thiện mẫu mã, bao bì sản phẩm, chú trọng đóng gói, nhãn mác phù hợp với thẩm mỹ và tập quán tiêu dùng tại châu Âu; đồng thời tăng tính tiện lợi của sản phẩm.

Đẩy mạnh xây dựng và phát triển thương hiệu.

Đa dạng hóa các hình thức quảng bá, xúc tiến thương mại, tận dụng các công cụ trực tuyến nhưng cũng không nên bỏ qua các hình thức truyền thống như các hội chợ khu vực.

➤ Lưu ý cập nhật các thông báo về SPS

Tại Việt Nam, Văn phòng Thông báo và Điểm hỏi đáp quốc gia về Vệ sinh dịch tễ và Kiểm dịch động thực vật Việt Nam (gọi tắt là Văn phòng SPS Việt Nam) đã được chính thức thành lập theo Quyết định số 99/2005/QĐ-TTg ngày 09 tháng 05 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ. Văn phòng SPS Việt Nam là đầu mối thực hiện các nghĩa vụ minh bạch hóa theo yêu cầu của Hiệp định SPS của WTO, thực hiện chức năng là kênh thông tin chính thức giữa Việt Nam và các thành viên WTO về các vấn đề SPS. Văn phòng này có nhiệm vụ thông báo và hỏi đáp các nội dung và quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật; yêu cầu các nước thành viên của WTO cung cấp thông tin về các biện pháp, thủ tục đánh giá rủi ro, về thanh tra, kiểm tra và các vấn đề liên quan khác về vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật. Văn phòng SPS Việt Nam là đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và đặt trụ sở tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Các thông báo về SPS có thể được cập nhật hàng ngày tại các địa chỉ sau:

- Trang tra cứu thông báo và dự thảo quy định SPS của các nước thành viên WTO của Văn phòng SPS Việt Nam: <http://www.spsvietnam.gov.vn/thong-bao-cac-nuoc-thanh-vien>

- Trang tra cứu các biện pháp SPS của WTO, cung cấp nhiều thông tin về Hiệp định và hoạt động liên quan đến SPS trên toàn thế giới:

http://www.wto.org/english/tratop_e/sps_e/sps_e.htm

- Cổng thông tin điện tử của diễn đàn thông báo và trao đổi thông tin Vệ sinh Thực vật Quốc tế (IPPC): <http://www.ippc.int>

- Thông tin về các hoạt động của Tổ chức Thú y thế giới (OIE):

<http://www.oie.int>

- Địa chỉ trang web của các Ủy ban Dinh dưỡng Codex:

<http://www.codexalimentarius.net>

➤ Lưu ý về chứng nhận xuất xứ C/O

C/O mẫu EUR.1 có những nội dung khá quen thuộc và đơn giản hơn so với Mẫu C/O trong các FTA trước đây. Mặc dù vậy, nội dung của Mẫu này trong EVFTA vẫn có những điểm khác biệt đáng chú ý so với các FTA Việt Nam từng ký kết khác. Các nội dung này cũng ảnh hưởng trực tiếp tới các loại giấy tờ mà doanh nghiệp cần cung cấp hoặc thông tin khai báo.

Hiện các cam kết EVFTA về các vấn đề này đã được nội luật hóa và hướng dẫn cụ thể trong **Thông tư số 11/2020/TT-BCT về quy tắc xuất xứ hàng hóa trong EVFTA**. Doanh nghiệp xuất khẩu muốn hàng hóa hưởng ưu đãi thuế quan theo EVFTA cần tra cứu kỹ Thông tư này để biết QTXX từng mặt hàng và hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo EVFTA.

Ngoài ra doanh nghiệp cũng cần chú ý C/O mẫu EUR.1 có thể được cấp sau thời điểm xuất khẩu từ Việt Nam và nộp sau thời điểm nhập khẩu vào EU. Vì vậy, trong trường hợp hàng hóa của doanh nghiệp đáp ứng được QTXX của EVFTA nhưng vì lý do chính đáng nào đó mà chưa kịp xin C/O mẫu EUR.1 tại cơ quan có thẩm quyền Việt Nam thì vẫn có thể xin cấp C/O này sau thời điểm hàng hóa đã xuất khẩu sang EU. Đồng thời, doanh nghiệp có thể nộp muộn C/O mẫu EUR.1 cho cơ quan hải quan EU sau khi hàng hóa đã được nhập khẩu vào thị trường này để xin hồi tố thuế quan ưu đãi EVFTA mà trước đó vì chưa có C/O mẫu EUR.1 nên chưa được hưởng ưu đãi thuế.

➤ Lưu ý về áp dụng ưu đãi thuế quan

Trong thời gian đầu EVFTA có hiệu lực, thuế quan ưu đãi của EU có thể cao hơn so với mức thuế mà Việt Nam đang được hưởng theo cơ chế GSP. EU cho phép Việt Nam chuyển đổi từ GSP sang EVFTA với lộ trình 7 năm. Cụ thể, trong 2 năm đầu tiên kể từ khi EVFTA có hiệu lực, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang EU được phép lựa chọn áp dụng một trong hai mức thuế ưu đãi từ GSP hoặc từ EVFTA. Doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam có thể dựa vào ưu đãi từ hai cơ chế để lựa chọn mức thuế ưu đãi có lợi nhất dành cho doanh nghiệp.

Trường hợp lựa chọn mức thuế ưu đãi của cơ chế nào thì phải đáp ứng quy tắc xuất xứ của cơ chế đó. Doanh nghiệp lựa chọn mức thuế ưu đãi từ GSP thì hàng hóa xuất khẩu phải đáp ứng quy định về quy tắc xuất xứ trong GSP, tương tự như vậy với Hiệp định EVFTA.

Về cơ chế chứng nhận xuất xứ ưu đãi, nếu nhà xuất khẩu Việt Nam muốn hàng xuất khẩu hưởng thuế suất ưu đãi EVFTA thì phải chứng nhận xuất xứ theo C/O mẫu EUR.1 tại các đơn vị và tổ chức được ủy quyền cấp giấy chứng nhận này. Nếu nhà xuất khẩu Việt Nam muốn hàng xuất khẩu hưởng thuế ưu đãi GSP thì phải chứng nhận xuất xứ theo cơ chế của GSP mà hiện tại đang chuyển sang hình thức tự chứng nhận xuất xứ bằng cách đăng ký mã số REX.

Trong 5 năm tiếp theo, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang EU vẫn được phép lựa chọn áp dụng một trong hai mức thuế ưu đãi từ GSP hoặc từ EVFTA. Tuy nhiên, dù áp dụng thuế ưu đãi theo cơ chế nào, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam đều phải đáp ứng quy định về quy tắc xuất xứ trong Hiệp định EVFTA. Sau 7 năm kể từ khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang EU sẽ được hưởng thuế và áp dụng quy tắc xuất xứ hoàn toàn theo Hiệp định EVFTA.

➤ Lưu ý về TBT

Đánh dấu và ghi nhãn là nhóm biện pháp TBT được áp dụng phổ biến nhất hiện nay, và trong nhiều trường hợp quy định về đánh dấu và ghi nhãn hàng hóa gây ra bất cập, tốn kém chi phí cho doanh nghiệp (đặc biệt trong trường hợp hàng hóa xuất khẩu đã tới cảng đến và bị giữ lại không cho lưu thông ra thị trường vì lý do nhãn mác chưa đúng quy cách). Quy định về ghi nhãn đối với các loại thực phẩm như rau quả càng khắt khe và nhiều yêu cầu hơn nữa.

Do đó, cùng với các quy định về ghi nhãn của EU, doanh nghiệp rau quả cũng cần tìm hiểu các cam kết về nhóm biện pháp này trong EVFTA để có chuẩn bị tuân thủ, tránh những rắc rối không cần thiết khi xuất khẩu, đồng thời có biện

pháp xử lý, thông tin cho cơ quan Chính phủ để bảo vệ quyền lợi của mình trong trường hợp yêu cầu TBT về nhãn mác của phía nhập khẩu EU vi phạm cam kết EVFTA.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng phải thường xuyên cập nhật về những thay đổi trong quy định của EU về ghi nhãn và đánh dấu đối với hàng hóa để kịp thời đáp ứng.

➤ Lưu ý trong giao dịch mua bán hàng hóa

Gần đây, tại một số nước như Bắc Âu, Italia, Pháp, Hà Lan... xuất hiện tình trạng mạo danh các công ty nhập khẩu uy tín để lừa đảo các doanh nghiệp nước ngoài. Các đối tượng lừa đảo (thường từ các khu vực Trung Đông hoặc châu Phi) lợi dụng tâm lý cho rằng các nước châu Âu là các nước phát triển, hệ thống luật pháp chặt chẽ, các công ty làm ăn đảm bảo uy tín, đã lập các website giả danh các công ty có thật với địa chỉ văn phòng giả tại các nước EU nhằm tăng sự tin tưởng của các doanh nghiệp và sử dụng những phương thức lừa đảo sau:

Doanh nghiệp Việt Nam mua hàng thông qua website, tuy nhiên không được giao hàng. Trong trường hợp này, bên lừa đảo đã lập website bán hàng, trong đó có ghi địa chỉ chi nhánh văn phòng tại EU. Các địa chỉ này thường không tồn tại, trong khi đó các doanh nghiệp Việt Nam đã không xác minh cẩn thận, không cảnh giác và nhanh chóng thực hiện giao dịch mua bán và bị “dính bẫy” của các đối tượng này.

Doanh nghiệp Việt Nam nhận được đơn mua hàng từ doanh nghiệp có trụ sở chính trên website tại một nước khác ngoài EU nhưng có ghi địa chỉ chi nhánh tại EU (địa chỉ giả). Mặc dù doanh nghiệp Việt Nam và bên mua hàng sử dụng hình thức thanh toán qua tín dụng chứng từ L/C, tuy nhiên bên mua hàng thường sử dụng địa chỉ ngân hàng tại một quốc gia khác có độ tín nhiệm thấp. Trên thực tế, các chứng từ nêu trên nhiều khả năng bị làm giả và rất khó xác minh. Ngoài ra, phía ngân hàng Việt Nam đã chủ quan trong khâu kiểm tra và chuyển lại bộ chứng từ cho địa chỉ do đối tượng mua hàng cung cấp (không phải địa chỉ của Ngân hàng tại EU).

Ngoài ra, còn có nhiều hình thức lừa đảo khác như doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam đã gửi hàng cho đối tác tại EU nhưng không được thanh toán hết số tiền còn lại. Bên nhập khẩu đưa ra lý do hàng kém chất lượng, bị hao hụt, không đúng yêu cầu nêu trong hợp đồng... nên từ chối lấy hàng, bỏ mặc hàng lưu kho

với mức phí rất cao nhằm mục đích ép giá, gây thiệt hại và đẩy doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam vào tình trạng tiến thoái lưỡng nan.

Các hình thức lừa đảo ngày càng tinh vi, đa dạng và khó xác minh. Vì vậy, doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam cần lưu ý, thận trọng và tìm hiểu kỹ đối tác trước khi ký kết, thực hiện hợp đồng mua bán.

VIII. CÁC ĐỊA CHỈ THÔNG TIN HỮU ÍCH

1. Hiệp hội Điều Việt Nam (Vinacas)

Địa chỉ: Số 135 Pasteur, Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: +84 (0283) 8242136

Email: admin.vinacasvn.org

Website: <https://www.vinacas.com.vn/>

2. Các Hiệp hội doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam

Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu (EuroCham)

Văn phòng Hà Nội:

Địa chỉ: Căn 08, Tầng 3B, Tháp Horizon, 40 Cát Linh, Hà Nội

Tel: (84-24) 3 715 2228

Fax: (84-24) 3 715 2218

Email: info-hn@eurochamvn.org

Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 5, Deutsches Haus TP.HCM, 33 Lê Duẩn, Quận 1, TP.HCM

Tel: (84-28) 3827 2715

Fax: (84-28) 3827 2743

Email: info-hcm@eurochamvn.org

Hiệp Hội Doanh nghiệp Bỉ - Luxembourg (Belux Cham)

Địa chỉ: Tầng 5, Deutsches Haus TP.HCM, 33 Lê Duẩn, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: 028-38224029; Fax: 028-38272743

Email: info@beluxcham.com

Website: <https://www.beluxcham.com>

Hiệp hội Doanh nghiệp Hà Lan (DBAV)

Địa chỉ: Dreamplex, 4F Tòa IMC, 62 Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh,

Điện thoại: +84 28 73 00 22 94; Fax: 028-38272743

Website: <https://dbav.org.vn>

Phòng Thương mại và Công nghiệp Pháp (CCIFV)

Văn phòng Hà Nội:

CCI France-Vietnam Hanoi, 59 Hàm Long, Quận Hoàn Kiếm.

Văn phòng Hồ Chí Minh:

186 Nguyễn Văn Hưởng, Thảo Điền, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028-38258625

Email: info.hcm@ccifv.org

Website: <https://www.ccifv.org>

Hiệp hội Doanh nghiệp Đức (GBA)

Địa chỉ: Tầng 4, Deutsches Haus TP.HCM, 33 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028-38239772

Email: info@gba-vietnam.org

Website: <https://gba-vietnam.org>

Phòng Thương mại Bắc Âu (NordCham)

Văn phòng Hà Nội:

Địa chỉ: Căn 08, Tầng 3B, Tháp Horizon, 40 Cát Linh, Hà Nội

Tel: (84-24) 3 715 2228

Fax: (84-24) 3 715 2218

Email: chair@nordchamvietnam.com/admin@nordchamvietnam.com

Văn phòng Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: 15F, Tòa nhà Landmark, 5B Tôn Đức Thắng, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028-38272715; Fax: 028-38272743

Email: vicechair@nordchamvietnam.com

Website: <https://nordchamvietnam.com>

Hiệp hội Doanh nghiệp Italia (ICHAM)

Văn phòng Hà Nội:

Địa chỉ: Casa Italia, 18 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (+84) 24 3824 5997

Văn phòng Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 5, Deutsches Haus TP.HCM, 33 Lê Duẩn, Quận 1, TP.HCM

Tel: 028-38224059; Fax: 028-38224427

Email: officer@icham.org

Website: <http://www.icham.org>

Hiệp hội Doanh nghiệp Tây Ban Nha

Địa chỉ: 701-702, Tầng 7, Diamond Plaza, 34 Lê Duẩn, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 028-38251939;

Email: spanishchambervn@gmail.com

Website: <http://www.spanishchambervn.com>

3. Hệ thống Thương vụ Việt Nam tại châu Âu

3.1. Thương vụ tại Anh kiêm nhiệm Ireland

Tham tán Công sứ: Nguyễn Cảnh Cường

Địa chỉ: F 23, Bullingham Mansions Pitt Street

Tel: +44 207 207 9825

Email: uk@moit.gov.vn , cuongnc@moit.gov.vn
3.2. Thương vụ tại Áo kiêm nhiệm Slovenia Phụ trách Thương vụ: Trần Việt Phương Địa chỉ: Gregor Mendel Strasse 52, 1190 Vienna, Austria Tel: +43 1 3671759 Email: at@moit.gov.vn ; phuongtvi@moit.gov.vn
3.3. Thương vụ tại Ba Lan kiêm nhiệm Litva, Phần Lan, Estonia Tham tán Thương mại: Nguyễn Thành Hải Địa chỉ: Ul. Łucka 20, m. 87, 00-845, Warszawa Tel: +48 22 1147131 Email: pl@moit.gov.vn , haint@moit.gov.vn
3.4. Thương vụ tại Bỉ và EU kiêm nhiệm Luxembourg Tham tán Thương mại: Trần Ngọc Quân Địa chỉ: Avenue de Foestraets 16, 1180 Uccle - Brussels, Belgium Tel: +32 2 3118976 Email: quantn@moit.gov.vn , be@moit.gov.vn
3.5. Thương vụ tại Bungari kiêm nhiệm Hy Lạp, Macedonia, Albania Phụ trách Thương vụ: Phạm Tuấn Huy Địa chỉ: 1, Jetvarka Str., 1113 Sofia Bulgaria Tel: +359 2 9632609 ext 102 Email: bg@moit.gov.vn , huypt@moit.gov.vn
3.6. Thương vụ tại Đức Tham tán Thương mại: Bùi Vương Anh Địa chỉ: Oranien str.164, 10969 Berlin, Bundesrepublik Deutschland Tel: +49 30 2298198; +49 30 2292374 Email: de@moit.gov.vn ; anhbv@moit.gov.vn
3.7. Thương vụ tại Hà Lan Tham tán Thương mại: Võ Thị Ngọc Diệp Địa chỉ: 261 Laan Van Nieuw Oost – Indie 2593 BR, The Hague Tel: +31 70 3815594 Email: nl@moit.gov.vn
3.8. Thương vụ tại Hungary kiêm nhiệm Croatia, Bosnia-Herzegovina Tham tán Thương mại: Phạm Văn Công Địa chỉ: H-1147 Budapest, Miskolci utca 89 Tel: + 36 1 2616361 Email: hu@moit.gov.vn , congvt@gmail.com

3.9. Thương vụ tại Pháp kiêm nhiệm Bồ Đào Nha, Monaco, Andorra

Phụ trách Thương vụ: Vũ Anh Sơn

Địa chỉ: 44 Avenue de Madrid, 92200 Neuilly sur Seine, France

Tel: +33 1 46248577

Email: fr@moit.gov.vn**3.10. Thương vụ tại Rumani kiêm nhiệm Serbia, Montenegro**

Tham tán Thương mại: Phạm Thu Hà

Địa chỉ: Strada General Alexandru Cernat nr.3A, Sector 1, Bucuresti – Rumani.

Tel: +40 31 1007613

Email: ro@moit.gov.vn; hapth@moit.gov.vn**3.11. Thương vụ tại Séc kiêm nhiệm Slovakia**

Tham tán thương mại: Nguyễn Thị Hồng Thủy

Địa chỉ: Rasinovo Nabrezi 38, 128 00 Praha 2, Czech Republic

Tel: +420 773 635 829

Email: cz@moit.gov.vn; thuyng@moit.gov.vn**3.12. Thương vụ tại Tây Ban Nha**

Tham tán thương mại: Vũ Chiến Thắng,

Địa chỉ: Paseo de la Castellana, 166, Esc.2, 2º Izq, 28046 Madrid, Spain

Tel: +34 91 3450519

Email: espa@moit.gov.vn; thangvc@moit.gov.vn**3.13. Thương vụ tại Thụy Điển kiêm nhiệm Đan Mạch, Iceland, Na Uy, Latvia**

Tham tán Thương mại: Nguyễn Thị Hoàng Thúy

Địa chỉ: Upplandsgatan 38, 5th Floor, 11328 Stockholm, Sweden

Tel: +46 8 322666

Email: se@moit.gov.vn, thuynh@moit.gov.vn**3.14. Thương vụ tại Ý kiêm nhiệm Malta, Cyprus, San Marino**

Tham tán Công sứ: Nguyễn Đức Thanh

Địa chỉ: Via Po 22, 00198 Roma, Italia

Tel: +39 06 841 3913

Email: it@moit.gov.vn, thanhnguyen@moit.gov.vn**4. Mạng lưới và cơ sở dữ liệu hữu ích khác**

- Liên minh châu Âu: <http://europa.eu/>
- Cơ sở dữ liệu pháp luật của EU: <https://eur-lex.europa.eu/homepage.html>
- Tổng vụ Sức khỏe và An toàn thực phẩm của Ủy ban châu Âu (DG-SANTE): https://ec.europa.eu/info/departments/health-and-food-safety_en

- Ủy ban Tiêu chuẩn hóa châu Âu (European Committee for Standardization - CEN): <https://www.cen.eu>
- Công cụ Trợ giúp thương mại của EU: <https://trade.ec.europa.eu/access-to-markets/en/home>
- Văn phòng SPS Việt Nam: <http://www.spsvietnam.gov.vn/thong-bao-cac-nuoc-thanh-vien;>
- Vụ Thị trường châu Âu – châu Mỹ, Bộ Công Thương:
- <https://goglobal.moit.gov.vn/>
- Cổng thông tin điện tử Hiệp định Thương mại tự do của Việt Nam (Vietnam FTA Portal): <http://fta.moit.gov.vn/>
- Cơ quan Thống kê châu Âu Eurostat: <https://ec.europa.eu>
- Liên minh Thuế và Hải quan châu Âu: https://ec.europa.eu/taxation_customs
- Tổ chức hỗ trợ nhập khẩu từ các nước đang phát triển Hà Lan (CBI) : <http://www.cbi.eu>
- Ủy ban Dinh dưỡng Codex: <http://www.codexalimentarius.net;>
- Tổ chức Thực phẩm và Nông sản Liên hợp quốc: <https://www.ippc.int/en/>
- Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc: <http://www.fao.org/home/en/>
- Trung tâm Thương mại quốc tế (ITC): <http://trademap.org>
- Thông tin về các loại hạt của Hiệp hội thức ăn nhẹ châu Âu: https://esasnacks.eu/PDF/esa_nuts.pdf
- Hiệp hội Kinh doanh quả hạt khô Nam Hà Lan: <https://www.zuidvruchten.nl/>
- Phòng thí nghiệm tham khảo cộng đồng về dư lượng thuốc trừ sâu: <https://www.crl-paturalides.eu>
- Các biện pháp SPS của WTO:
- http://www.wto.org/english/tratop_e/sps_e/sps_e.htm;
- Tiêu chuẩn UNECE: <https://www.unece.org/trade/agr/standard/fresh/ffv-standardse.html;>
- FreshPlaza – <http://www.freshplaza.com>: Diễn đàn hàng đầu dành cho ngành hàng thực phẩm tươi
- Greentrade – <http://www.greentrade.net>: Thị trường trực tuyến lớn nhất dành cho các nhà sản xuất, chế biến và mạng lưới phân phối ngành hàng thực phẩm hữu cơ
- The Food World – <http://www.thefoodworld.com>: Danh bạ các nhà xuất khẩu và sản xuất thực phẩm
- Food for Trade – <http://www.foodsfortrade.com>: Cổng giao dịch B2B hàng đầu đối với mặt hàng thực phẩm

- Agronetwork – <http://www.agronetwork.com>: Trang tin về ngành hàng nông sản có cổng giao dịch trực tuyến
- Intracen – <http://www.intrancen.org/Organics/importers.html>: Cung cấp thông tin về các công ty nhập khẩu thực phẩm hữu cơ
- Tra cứu doanh nghiệp kinh doanh hạt điều tại website của Thương vụ Việt Nam tại Thụy Điển, kiêm nhiệm Đan Mạch, Na Uy, Iceland và Latvia: <https://vietnordic.com/doanh-nghiep/>

VỤ THỊ TRƯỜNG CHÂU ÂU - CHÂU MỸ, BỘ CÔNG THƯƠNG

Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 24.2220.5376

Email: vuaumy.moit@gmail.com

Website: goglobal.moit.gov.vn

Facebook: www.fb.com/vuthitruongchauauchaumy